

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1600720555, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/02/2007, đăng ký lại lần thứ 1: ngày 21/12/2009, đăng ký thay đổi lần 4: ngày 11/04/2013)

### CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 321/KCN-LPCL  
do UBCK MN cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

#### Công ty cổ phần Việt An

Trụ sở chính : Quốc lộ 91, Thạnh An, Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang  
Điện thoại : (84-76) 39 32 545 Fax: (84-76) 39 32 554  
Email : [info@anvifish.com](mailto:info@anvifish.com) Website: [www.anvifish.com](http://www.anvifish.com)

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209  
Chi nhánh : 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688  
Website : [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

#### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Trần Lê Đức Thịnh – Phó Tổng Giám đốc  
Điện thoại : (84-76) 39 32 545

# CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1600720555, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/02/2007, đăng ký lại lần thứ 1: ngày 21/12/2009, đăng ký thay đổi lần 4: ngày 11/04/2013)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : cổ phiếu Công ty cổ phần Việt An  
Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông  
Mã chứng khoán : AVF  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

### Phương án chào bán

- Đối tượng chào bán : cổ đông hiện hữu và CBCNV
- Số lượng chào bán dự kiến : 15.378.000 cổ phần (tương ứng 55% vốn điều lệ hiện tại)
  - Cổ đông hiện hữu : 13.980.000 cổ phần
  - ESOP cho CBCNV : 1.398.000 cổ phần
- Giá chào bán :
  - Cổ đông hiện hữu : 5.000 đồng/cổ phần
  - ESOP cho CBCNV : 0 đồng/cổ phần (thưởng cổ phần)
- Tổng số tiền thu được dự kiến: 69.900.000.000 đồng
- Nguồn tài trợ : 83.880.000.000 đồng
  - Thặng dư vốn : 69.900.000.000 đồng
  - Lợi nhuận chưa phân phối : 13.980.000.000 đồng
- Mục đích phát hành : hoàn thiện 02 vùng nuôi và bổ sung vốn lưu động
- Tỷ lệ thực hiện quyền : (2:1). Số lượng cổ phần được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Quyền mua được chuyển nhượng 1 lần.
- Xử lý cổ phiếu lẻ, từ chối mua : HĐQT sẽ quyết định việc chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### ❖ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Lầu 18, Times Square Buildings, 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại : (84-8) 39 10 07 51  
Fax : (84-8) 39 10 07 50

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209  
Chi nhánh : 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

## **MỤC LỤC**

|              |                                                                                   |           |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I.</b>    | <b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>                                                    | <b>4</b>  |
| <b>II.</b>   | <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN<br/>CÁO BẠCH .....</b> | <b>7</b>  |
| <b>III.</b>  | <b>CÁC KHÁI NIỆM .....</b>                                                        | <b>8</b>  |
| <b>IV.</b>   | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN .....</b>                           | <b>9</b>  |
| <b>V.</b>    | <b>CỔ PHẦN CHÀO BÁN .....</b>                                                     | <b>54</b> |
| <b>VI.</b>   | <b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>                                                    | <b>60</b> |
| <b>VII.</b>  | <b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                        | <b>61</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN .....</b>                              | <b>62</b> |
| <b>IX.</b>   | <b>PHỤ LỤC .....</b>                                                              | <b>63</b> |

# NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thủy sản Việt Nam nói chung và của Việt An nói riêng đều chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ những biến động kinh tế của các nước trên thế giới.

Năm 2013 được xem là năm bản lề với sự nỗ lực mạnh mẽ của các nền kinh tế toàn cầu trong việc cố gắng thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng kéo dài. Tuy nhiên, các nền kinh tế lớn trên thế giới chưa có dấu hiệu hồi phục như: các chính sách nới lỏng định lượng của Fed chưa vực dậy được nền kinh tế Mỹ, trong khi sức khỏe nền kinh tế các nước châu Âu còn yếu bởi các chính sách thắt lưng buộc bụng, còn nguy cơ bong bóng của kinh tế Trung Quốc chưa được giải quyết khi mà quốc gia này đang trong giai đoạn chuyển giao quyền lực mang tính thập kỷ, và kinh tế Nhật vẫn trong thập kỷ giảm phát với cơ cấu dân số già. Gần đây, nguy cơ can thiệp quân sự của Mỹ và các nước Phương Tây vào Syria, kế hoạch cắt giảm gói nới lỏng định lượng của Fed (Mỹ) đang làm nỗ lực thoát khỏi khủng hoảng của các nước lại càng khó khăn hơn, đặc biệt là đối với các nền kinh tế đang phát triển.

Trong khi đó, bức tranh kinh tế Việt Nam cũng không sáng sủa hơn, khi mà sự thắt chặt mạnh mẽ của các chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa chưa phát huy hiệu quả, thể hiện qua: nợ xấu chưa được giải quyết, tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại rõ rệt, sức mua giảm mạnh, lãi suất và lạm phát tuy bước đầu được kiềm chế nhưng vẫn chưa kích thích được tăng trưởng tín dụng, bội chi ngân sách còn cao, đầu tư cao hơn tiết kiệm, thâm hụt thương mại được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều rủi ro.

Nhằm khắc phục những khó khăn này, Việt An luôn chú trọng đến việc mở rộng và phát triển các thị trường một cách hợp lý, phối hợp với các chiến lược phát triển vùng nuôi, thu mua nguyên liệu nhằm đảm bảo được sự ổn định trong sản xuất, tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai khi nền kinh tế phục hồi.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

| Yếu tố rủi ro                       | Phân tích rủi ro                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>RỦI RO ĐẦU VÀO, NHÀ CUNG CẤP</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngoài nguồn cá nguyên liệu do Anvifish chủ động kiểm soát, phần còn lại chủ yếu mua gom từ các hộ nuôi. Sự biến động của thị trường nguyên liệu có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.</li> <li>Giá thành cá nguyên liệu phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước và biến động giá và chất lượng thức ăn cho cá.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường việc chủ động nguồn nguyên liệu lên mức 80% - 100%.</li> <li>Tăng cường tìm kiếm và duy trì mối quan hệ với các nhà nuôi cá lớn ở các tỉnh lân cận.</li> <li>Tăng cường việc kiểm soát chất lượng ở các vùng nuôi của Công ty và các vùng nuôi liên kết theo đúng các tiêu chuẩn chất lượng. Đặc biệt, tăng cường việc thực hiện tiêu chuẩn Global GAP, ASC ở tất cả các vùng nuôi.</li> </ul> |
| <b>RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Những quy định về chất lượng, kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm, những rào cản kỹ thuật của các nước nhập khẩu ngày càng nghiêm ngặt sẽ ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty.</li> <li>Sản phẩm cá tra của Anvifish sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước.</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đa dạng hóa thị trường. Ngoài các thị trường truyền thống Mỹ, Nga, châu Âu thì vẫn còn nhiều thị trường tiềm năng cần phát triển, các thị trường với phân khúc sản phẩm giá rẻ như các nước châu Phi, châu Á, châu Úc.</li> <li>Nghiên cứu các đối thủ và mặt hàng cạnh tranh trong và ngoài nước để có những bước đi đúng đắn.</li> </ul>                                                                |



| Yếu tố rủi ro                      | Phân tích rủi ro                                                                                                                                                                                                                                                          | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguy cơ bị áp thuế chống bán phá giá của thị trường Mỹ, là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Anvifish.</li> </ul>                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo thêm các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>RỦI RO THANH TOÁN</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Rủi ro về tiến độ giao hàng, khả năng thanh toán và chậm trả của khách hàng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.</li> </ul>                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng lượng khách hàng truyền thống uy tín lâu năm, thị trường ổn định để giảm thiểu rủi ro thanh toán.</li> <li>Xây dựng các chính sách thanh toán phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty, nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn.</li> <li>Phải luôn xem xét cẩn trọng rủi ro này trong quá trình kinh doanh.</li> <li>Tăng cường kiểm tra, cập nhật thông tin của khách hàng nhằm ngăn ngừa các rủi ro.</li> </ul> |
| <b>RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Rủi ro lãi suất: công ty sử dụng đòn bẩy cao.</li> <li>Rủi ro tỷ giá: doanh thu của Công ty chủ yếu từ xuất khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chuyển hướng từ vay nội tệ sang vay ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro về lãi suất.</li> <li>Tăng cường tìm kiếm các nguồn vốn vay ngoại tệ ưu đãi với lãi suất ít biến động.</li> <li>Theo dõi thường xuyên và có dự báo các biến động tỷ giá để có những điều chỉnh thích hợp.</li> </ul>                                                                                                                                |
| <b>RỦI RO KHỦNG HOẢNG NIỀM TIN</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Vừa qua, thông tin xấu từ vĩ mô và các công ty trong cùng ngành đã làm giảm niềm tin của bà con nông dân, nhà đầu tư vào các công ty ngành cá nói chung và Anvifish nói riêng.</li> </ul>                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường việc bảo vệ và phát triển thương hiệu.</li> <li>Chú trọng thường xuyên việc công khai thông tin minh bạch.</li> <li>Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng mới nhất.</li> <li>Liên kết với các công ty cùng ngành và các cơ quan ban ngành, Hiệp hội nhằm bảo vệ sản phẩm cá tra Việt Nam.</li> </ul>                                                                                          |

#### 4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

##### 4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Khối lượng huy động dự kiến 69,9 tỷ đồng của đợt chào bán lần này là khá lớn, giá thị trường của cổ phiếu Việt An cũng không cao (dưới mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), và đợt chào bán được diễn ra trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, đặc biệt càng khó khăn hơn đối với cổ phiếu ngành thủy sản và ngành cá. Do đó, khả năng không thành công của đợt chào bán là khá lớn.

Vì vậy, để gia tăng khả năng thành công thì Ban lãnh đạo đã quyết định giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 5.000 đồng/cổ phần, mức giá khá ưu đãi so với giá trị sổ sách và giá trị thị trường hiện nay của cổ phiếu AVF. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng sẽ cố gắng tìm các đối tác chiến lược để phân phối số cổ phần trong trường hợp cổ đông từ chối đăng ký mua.

##### 4.2 Rủi ro của các dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để phát triển hoàn thiện hai vùng nuôi Phú Thuận và Bình Thạnh; đồng thời, bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc sử dụng vốn thu được cho việc phát triển vùng nuôi sẽ làm cải thiện đáng kể sự chủ động về nguồn nguyên liệu; qua đó, góp phần ổn định sản xuất và gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong tình hình biến động mạnh của nguồn nguyên liệu hiện nay, điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với sự phát triển bền vững trong dài hạn của Công ty. Ngoài ra, việc bổ sung nguồn vốn lưu động sẽ giúp Công ty tăng

phần tự chủ về nguồn vốn và giảm bớt áp lực từ nguồn vốn tín dụng; qua đó, sẽ giúp gia tăng đáng kể hiệu quả lợi nhuận.

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công và không thu đủ số tiền dự kiến thì HĐQT sẽ chào bán tiếp số lượng cổ phần do cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để phát triển hoàn thiện 02 vùng nuôi như kế hoạch.

#### **5. Rủi ro pha loãng sau khi chào bán**

|                                                                 |                      |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------|
| Số lượng cổ phần đang lưu hành của Anvifish                     | : 27.960.000 cổ phần |
| Số lượng cổ phần chào bán của Anvifish (dự kiến)                | : 15.378.000 cổ phần |
| Tỷ lệ pha loãng                                                 | : 55%                |
| Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến sau khi chào bán của Anvifish | : 43.338.000 cổ phần |

Lượng cổ phần chào bán đợt này sẽ khiến cho tổng số cổ phần lưu hành của Anvifish tăng lên đáng kể, điều này phần nào có thể làm giảm sự hấp dẫn của cổ phiếu Anvifish đối với nhà đầu tư và gián tiếp tạo nên hiệu ứng pha loãng giá.

#### **Về giá cổ phiếu**

Giá mỗi cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh do chào bán thêm cho Cổ đông hiện hữu 13.980.000 cổ phiếu với giá phát hành 5.000 đồng/cổ phiếu. Công ty dự kiến giá cổ phiếu sau khi phát hành sẽ thay đổi thị giá cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu theo phương án đề ra và đã được ĐHCĐ chấp thuận.

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

- $P_{tc}$  : là giá tham chiếu của AVF trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn.
- $PR_{t-1}$  : là giá cổ phiếu của AVF trước ngày thực hiện quyền mua.
- $I$  : là tỷ lệ vốn tăng.
- $PR$  : là giá cổ phiếu phát hành mới.

#### **Ví dụ:**

Chào bán cho Cổ đông hiện hữu 13.980.000 cổ phiếu với các thông tin sau:

- Giả sử giá thị trường của cổ phiếu AVF trước ngày phát hành là 7.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá phát hành: 5.000 đồng/cổ phiếu.

Về mặt lý thuyết, giá cổ phiếu này sẽ bị điều chỉnh:

$$P \text{ sau khi pha loãng} = \frac{7.000 + (50\% \times 5.000)}{1 + 50\%} = 6.333 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi pha loãng là 6.333 đồng/cổ phiếu, giảm 667 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu thị trường AVF trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

Giá sổ sách bị pha loãng trước và sau phát hành:

| STT | Khoản mục                                    | Trước phát hành | Sau phát hành |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|---------------|
| 1   | Số lượng cổ phiếu                            | 27.960.000      | 43.338.000    |
| 2   | Giá trị sổ sách đến 30/6/2013 (đồng/cổ phần) | 16.195          | 12.061        |
| 3   | EPS đến quý 2/2013 (đồng/cổ phần)            | 490             | 316           |

Tuy nhiên, việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào đầu tư phát triển vùng nuôi và bổ sung vốn lưu động sẽ làm giảm tỷ trọng giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay; qua đó, gia tăng lợi nhuận biên một cách đáng kể trong những năm sau. Do đó, EPS trong những năm sau dự kiến sẽ tăng tương ứng từ hiệu quả của việc đầu tư mang lại.

#### **Về quyền biểu quyết:**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu của Anvifish cũng có thể bị giảm tương ứng với phần cổ đông hiện hữu không đăng ký mua (không thực hiện quyền mua) nếu có và do phần cổ phần thưởng cho CBCNV theo chương trình ESOP.

#### **6. Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro trên thì vẫn còn một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty, đó là những rủi ro về hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo...

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức chào bán**

|                              |                                  |
|------------------------------|----------------------------------|
| Ông <b>Lưu Bách Thảo</b>     | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà <b>Nguyễn Thị Huyền</b>   | Kế toán trưởng                   |
| Ông <b>Trương Thanh Long</b> | Trưởng Ban Kiểm Soát             |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### **2. Tổ chức tư vấn**

|                   |               |
|-------------------|---------------|
| Ông <b>Tô Hải</b> | Tổng Giám Đốc |
|-------------------|---------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Việt An. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Việt An cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức đăng ký chào bán : Công ty cổ phần Việt An
- Tổ chức tư vấn chào bán : Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Công ty / ANVIFISH : Công ty cổ phần Việt An
- Cổ phiếu : Cổ phiếu của Công ty cổ phần Việt An
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- BKS : Ban kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- CBCNV : Cán bộ - công nhân viên
- VNĐ : Đồng Việt Nam
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- GlobalGAP : Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu
- HACCP : Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- ISO : Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế
- WTO : Tổ chức thương mại thế giới
- VASEP : Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam
- SQF : Thực phẩm đạt chất lượng an toàn
- IFS : Tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm quốc tế
- EU : Liên minh Châu Âu

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển**

###### **1.1 Giới thiệu về Công ty**

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Việt An
- Tên tiếng Anh : Anvifish Joint-Stock Company
- Tên viết tắt : Anvifish
- Vốn điều lệ : 279.600.000.000 đồng
- Trụ sở chính : Quốc lộ 91, Thạnh An, Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại : (84-76) 39 32 545
- Fax : (84-76) 39 32 554
- E-mail : info@anvifish.com
- Website: : www.anvifish.com
- Mã số thuế : 1600 720 555
- Ngành nghề kinh doanh : Khai thác, nuôi trồng thủy sản; Chế biến thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Sản xuất thức ăn gia súc; Mua bán thực phẩm; Kinh doanh lưu hành nội địa (tuân theo những quy định pháp luật về Luật Du lịch); Các hoạt động trợ giúp và trung gian tài chính; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dân cư nông thôn và đô thị.
- Logo



###### **1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Tháng 08/2004 : Công ty ra đời trên cơ sở tiền thân là Công ty TNHH ANGIANG – BASA
- Tháng 12/2004 : Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH VIỆT AN
- Tháng 02/2007 : Công ty chính thức được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng và có 6 cổ đông sáng lập.
- Năm 2008 : Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng bằng cách phát hành riêng lẻ cho 6 cổ đông sáng lập và một số đối tượng khác.
- Năm 2010 : Công ty tiếp tục tăng vốn từ 100 tỷ lên 225 tỷ đồng thông qua hai đợt phát hành:
  - Đợt 1: tăng từ 100 tỷ lên 150 tỷ dưới hình thức phát hành riêng lẻ 5 triệu cổ phần.
  - Đợt 2: tăng từ 150 lên 225 tỷ dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 23/11/2010 : Công ty chính thức niêm yết 22.500.000 cổ phần trên sàn giao dịch HSX với mã chứng khoán AVF.
- Năm 2011 : Công ty đã bán lại phần vốn góp tại công ty con Anpha-AG cho nhà đầu tư cá nhân, với số lượng là 1.840.000 cổ phần, giá bán bằng mệnh giá, thu bằng tiền mặt. Như vậy, tỷ lệ sở hữu của Anvifish tại Anpha-AG hiện chỉ còn 5% vốn điều lệ.
- Năm 2012 : Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 279,6 tỷ đồng bằng cách chào bán cổ phần ra công chúng.



❖ **Các lần thay đổi Giấy CNĐKKD**

- Đăng ký lần đầu ngày 27/02/2007.
- *Đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 23 tháng 07 năm 2007:*  
Nội dung thay đổi: bổ sung chi nhánh TP. HCM.
- *Đăng ký thay đổi lần thứ hai, ngày 21 tháng 12 năm 2009:*  
Nội dung thay đổi: tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.
- *Đăng ký lại lần thứ nhất, ngày 21 tháng 12 năm 2009:*  
Nội dung thay đổi: thay đổi số Chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.
- *Đăng ký thay đổi lần thứ ba, ngày 26 tháng 08 năm 2010:*  
Nội dung thay đổi: tăng vốn điều lệ lên 225 tỷ đồng.
- *Đăng ký thay đổi lần thứ tư: ngày 11 tháng 04 năm 2013:*  
Nội dung thay đổi: tăng vốn điều lệ lên 279,6 tỷ đồng.

❖ **Một số thành tích nổi bật**

Trong những năm qua, Anvifish đã đạt nhiều thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh với nhiều chứng nhận, bằng khen của các Bộ ngành, cơ quan chức năng, hiệp hội như: bằng khen của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học Công nghệ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên hiệp các Hội KH-KT Việt Nam, Hiệp hội nghề cá Việt Nam, UBND tỉnh An Giang, Cục Thuế tỉnh An Giang, Phòng TM&CN Việt Nam, Vietnam Enterprises, Trung tâm Văn hóa Doanh nhân, VietFood Safety Network,...

## **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

❖ **Văn phòng Công ty:**

Địa chỉ: QL 91, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang

ĐT: (0763) 932 545

Fax: (0763) 932 554

Trụ sở chính của Công ty có diện tích đất trong quy hoạch khoảng 2,5 ha, là nơi đặt văn phòng làm việc của ban Điều hành, các phòng ban nghiệp vụ và các xí nghiệp.

❖ **Chi nhánh TP. HCM:**

Địa chỉ: 34 Phan Đình Giót, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM

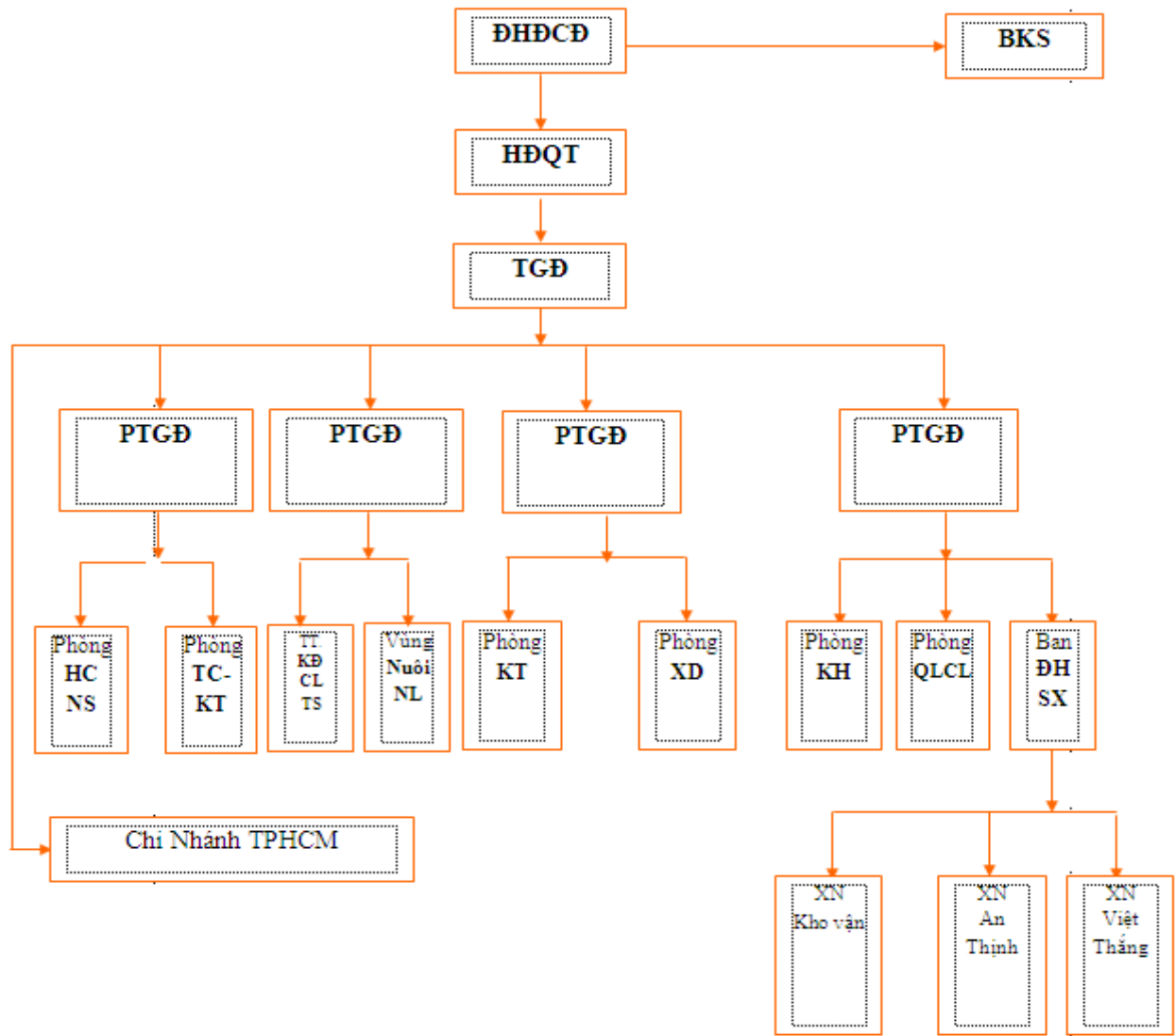
ĐT: (84-8) 3848 7358

Fax: (84-8) 3848 7357

Chức năng chính: Tổ chức tiếp thị mở rộng các thị trường tiêu thụ tại châu Âu, châu Mỹ, Nga và một số nước Trung Đông. Được tổ chức với 03 bộ phận chức năng là Bộ phận Marketing, Bộ phận chứng từ và Bộ phận xuất hàng.

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

#### Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Anvifish

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình của công ty cổ phần với chi tiết như sau:

#### ❖ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

#### ❖ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### ❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

**❖ Ban điều hành Công ty**

Ban điều hành Công ty hiện nay gồm có Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc.

- **Tổng Giám đốc:** Là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm.
- **Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật:** Là người chịu trách nhiệm và sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật do HĐQT bổ nhiệm và có nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động của Phòng công nghệ thông tin, Phòng Kỹ thuật và Phòng Xây dựng.
- **Phó Tổng Giám đốc Tài chính:** Là người chịu trách nhiệm và sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc Tài chính do HĐQT bổ nhiệm và có nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động của Phòng Hành chính nhân sự, Phòng Tài chính Kế toán.
- **Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu:** Là người chịu trách nhiệm và sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu do HĐQT bổ nhiệm và có nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động của Trung tâm Kiểm định Chất lượng thủy sản và vùng nguyên liệu.
- **Phó Tổng Giám đốc Sản xuất:** Là người chịu trách nhiệm và sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc Sản xuất do HĐQT bổ nhiệm và có nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động của Phòng Kế hoạch, Phòng Quản lý chất lượng và Ban điều hành sản xuất.

**❖ Các phòng nghiệp vụ**

- **Phòng Công nghệ thông tin:** chịu trách nhiệm quản lý, duy trì toàn bộ hệ thống thông tin của Công ty như hệ thống máy móc thiết bị văn phòng, quản lý phần mềm, trang web Công ty.
- **Phòng Kỹ Thuật:** Thực hiện bảo trì định kỳ (tháng, quý, năm) máy móc thiết bị, nhà xưởng, mặt bằng, điện năng... để máy móc thiết bị hoạt động liên tục, bảo đảm cho hoạt động sản xuất không bị gián đoạn. Thay đổi, lắp đặt mới máy móc thiết bị sản xuất theo các dự án đầu tư. Lưu trữ các tài liệu kỹ thuật, thống kê máy móc thiết bị hiện có.
- **Phòng Xây dựng:** chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa và xây dựng mới các tài sản cố định của Công ty.
- **Phòng Hành chính nhân sự:** chịu trách nhiệm về các vấn đề nhân sự như lao động, bảo hiểm, khen thưởng phúc lợi, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường... và các vấn đề về hành chính như quản lý các hồ sơ pháp lý, phục vụ hậu cần cho các hoạt động nghiệp vụ của các phòng, ban, xí nghiệp,...
- **Phòng Kế toán:** tổ chức hệ thống chứng từ, ghi chép ban đầu, luân chuyển chứng từ. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán. Lựa chọn hình thức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán. Có nhiệm vụ cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho điều hành quản lý kinh tế của Công ty. Báo cáo kế toán theo quy định. Kiểm toán nội bộ Công ty. Phân tích hoạt động kết quả kinh doanh.
- **Trung tâm Kiểm định chất lượng thủy sản:** tiền thân là Phòng thí nghiệm với chức năng đảm bảo cá nguyên liệu đưa vào sản xuất phải được kiểm nghiệm và có kết quả đạt tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh thực phẩm. Hiệu chuẩn các dụng cụ đo lường, thiết bị chuyên dùng khác cần có trong hoạt động của Phòng thí nghiệm theo tiêu chí tin cậy, khách quan, trung thực và nhất quán trong hoạt động. Hoạt động quản lý kỹ thuật của Phòng thí nghiệm được quy định trong hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2005. Các báo cáo kết quả cũng phải tuân thủ theo mục 5.10 của hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2005.
- **Phòng Kế hoạch:** thực hiện xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm. Lập kế hoạch sản xuất theo đơn đặt hàng. Phối hợp với Phòng kế toán tài chính xây dựng kế hoạch giá thành. Phối hợp với các xí nghiệp về tiến độ sản xuất và về các định mức kinh tế kỹ thuật. Lập và giám sát việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo nhu cầu sản xuất. Cung ứng trang bị bảo hộ lao động, dụng cụ lao động, hóa chất sản xuất và quản lý kho vật tư. Kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện các kế hoạch. Lưu trữ các tài liệu thuộc nhiệm vụ.

- **Phòng quản lý chất lượng:** kiểm tra các xí nghiệp có thực hiện các yêu cầu về chất lượng hay không và bảo đảm rằng sản phẩm sản xuất ở từng công đoạn đạt tiêu chuẩn chất lượng.
- **Vùng nuôi nguyên liệu:** đảm bảo cung cấp cá nguyên liệu đúng quy cách, đúng số lượng với giá cả hợp lý, bảo đảm chất lượng, giao hàng đúng thời hạn, vận chuyển an toàn. Phải duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với các nhà cung cấp, đảm bảo vị thế cạnh tranh lâu dài cho Công ty. Tìm kiếm và phát triển nguồn nguyên liệu cung ứng cho nhu cầu Công ty.
- **Ban điều hành sản xuất:** quản lý hoạt động sản xuất của Công ty, cụ thể là chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của xí nghiệp kho vận và 2 xí nghiệp chế biến là: Xí nghiệp An Thịnh và Xí nghiệp Việt Thắng.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ cổ phần; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại**

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/08/2013 của VSD cung cấp

**4.1 *Danh sách và tỉ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập:***

Đến 27/02/2010, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**4.2 *Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông nắm giữ từ 5% vốn Điều lệ trở lên, và những người có liên quan***

**Bảng 1. Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên**

| TT               | Tên                                                | Địa chỉ                                               | Số CP            | % VDL        |
|------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|--------------|
| 1                | Lưu Bách Thảo                                      | Số 18/3C Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang | 3.000.000        | 10,73        |
| 2                | Far East Ventures LLC<br>(Daniel Yet làm đại diện) | Số 1723 Bern St. Santa Clara CA 95050 USA             | 2.400.000        | 8,58         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                    |                                                       | <b>5.400.000</b> | <b>19,31</b> |

*Nguồn: Anvifish*

**Bảng 2. Danh sách những người có liên quan có nắm giữ cổ phần của Ông Lưu Bách Thảo**

| Tên                 | Mối Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | % VDL       |
|---------------------|-------------|--------------------|-------------|
| Lưu Thị Phương Thảo | Em ruột     | 10.161             | 0,04        |
| Lưu Hiếu Thảo       | Em ruột     | 20.322             | 0,07        |
| Lưu Thị Duyên Thảo  | Em ruột     | 10.161             | 0,04        |
| Lưu Thị Thương Thảo | Em ruột     | 11.431             | 0,04        |
| Lưu Thuận Thảo      | Em ruột     | 5.400              | 0,02        |
| <b>Tổng cộng</b>    |             | <b>57.475</b>      | <b>0,21</b> |

*Nguồn: Anvifish*

Cổ đông Far East Ventures LLC (do ông Daniel Yet làm đại diện) không có người có liên quan đang nắm giữ cổ phần.

## 4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm hiện tại

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông

| TT               | Danh mục          | Số lượng CĐ  | Số lượng CP       | Tỷ lệ %     |
|------------------|-------------------|--------------|-------------------|-------------|
| 1                | <b>Trong nước</b> | 1,024        | 24,961,300        | 89.28%      |
|                  | - Tổ chức         | 7            | 448,427           | 1.60%       |
|                  | - Cá nhân         | 1,017        | 24,512,873        | 87.67%      |
| 2                | <b>Nước ngoài</b> | 13           | 2,998,700         | 10.72%      |
|                  | - Tổ chức         | 5            | 480,010           | 1.72%       |
|                  | - Cá nhân         | 8            | 2,518,690         | 9.01%       |
| <b>Tổng Cộng</b> |                   | <b>1,037</b> | <b>27,960,000</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: Anvifish

## 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán

Không có

## 6. Giới thiệu quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 4. Quá trình tăng vốn

| Thời gian                             | Vốn điều lệ mới<br>(tỷ đồng) | Vốn tăng thêm<br>(tỷ đồng) | Căn cứ pháp lý                                                    | Phương thức phát hành                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Khi thành lập:</b><br>Tháng 2/2007 | 50                           | -                          | Vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần                             | 06 cổ đông sáng lập góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần (lần đầu)                                                                                                                                          |
| <b>Lần 1:</b><br>2007 và 2008         | 100                          | 50                         | Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 01/2007/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2007 | Phát hành riêng lẻ 4,5 triệu cổ phần cho 6 cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần, 200 ngàn cổ phần thưởng cho Công đoàn Công ty, và 300 ngàn cổ phần cho 27 nhà đầu tư khác với giá thỏa thuận. |
| <b>Lần 2:</b><br>2010                 | 150                          | 50                         | Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 01/2009/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2009 | Phát hành riêng lẻ 5 triệu cổ phần gồm: 2 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 3 triệu cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược với giá 35.000 đồng/cổ phần.                                         |

| Thời gian      | Vốn điều<br>lệ mới<br>(tỷ đồng) | Vốn tăng<br>thêm<br>(tỷ đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                           | Phương thức phát hành                                                                                                                                                                  |
|----------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lần 3:<br>2010 | 225                             | 75                            | Biên bản Đại hội đồng cổ<br>đông số 02/2010/BB-<br>ĐHĐCĐ ngày 15/08/2010                                                                 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông<br>hiện hữu với tỷ lệ chia (2:1)                                                                                                                  |
| Lần 4:<br>2012 | 279,6                           | 54,6                          | Biên bản ĐHCĐ thường<br>niên năm 2012 số<br>01/2012/ĐHĐCĐ-VA ngày<br>16/04/2012.<br>Nghị quyết số<br>03/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày<br>19/07/2012 | Chào bán ra công chứng với giá bán<br>thành công là 10.000 đồng/cổ phần<br>Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ<br>phiếu ra công chứng số 46/GCN-UBCK<br>ngày 15/10/2012 của UBCKNN cấp |

## 7. Hoạt động kinh doanh

### 7.1 Sản lượng sản phẩm qua các năm

#### ➤ Các lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

- **Các sản phẩm chính:** cá tra fillet các loại, cá tấm bột, cá xiên que, cá chẻm, cá kèo.
- **Cơ cấu sản phẩm:** cá tra fillet các loại chiếm khoảng 99,21% sản lượng và 99,46% giá trị xuất khẩu của Công ty trong năm 2012. Ngoài các thứ phẩm và phụ phẩm chủ yếu được bán trong thị trường nội địa, mặt hàng cá chẻm, cá kèo với giá trị gia tăng cao sẽ là hướng phát triển mới của Công ty trong thời gian sắp tới.
- **Địa bàn kinh doanh:** Sản phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu. Trong đó, có hai thị trường chính là: thị trường châu Mỹ chiếm từ 66%-70%, và thị trường châu Âu chiếm hơn 21%.

**Bảng 5. Cơ cấu sản lượng qua các năm phân theo thị trường xuất khẩu**

| Thị trường       | 2011               |                 | 2012               |                 |
|------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                  | Sản lượng<br>(Tấn) | Tỷ trọng<br>(%) | Sản lượng<br>(Tấn) | Tỷ trọng<br>(%) |
| Châu Âu          | 202                | 0,81            | 5.409              | 21,36           |
| Châu Mỹ          | 5.097              | 20,55           | 16.886             | 66,68           |
| Nga              | 16.301             | 65,71           | 1.500              | 5,92            |
| Khác             | 3.207              | 12,93           | 1.528              | 6,03            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>24.807</b>      | <b>100,00</b>   | <b>25.323</b>      | <b>100,00</b>   |

Nguồn: Anvifish

**Bảng 6. Cơ cấu doanh thu qua các năm phân theo thị trường xuất khẩu**

| Thị trường       | 2011                      |                 | 2012                      |                 |
|------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
|                  | Doanh thu<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Doanh thu<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) |
| Châu Âu          | 11.633                    | 0,62            | 396.746                   | 21,18           |
| Châu Mỹ          | 383.874                   | 20,60           | 1.315.274                 | 70,22           |
| Nga              | 1.256.314                 | 67,42           | 67.327                    | 3,59            |
| Khác             | 211.712                   | 11,36           | 93.776                    | 5,01            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.863.532</b>          | <b>100,00</b>   | <b>1.873.123</b>          | <b>100,00</b>   |

Nguồn: Anvifish

**Bảng 7. Cơ cấu sản lượng qua các năm phân theo loại sản phẩm**

| Loại sản phẩm    | 2011               |                 | 2012               |                 |
|------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                  | Sản lượng<br>(Tấn) | Tỷ trọng<br>(%) | Sản lượng<br>(Tấn) | Tỷ trọng<br>(%) |
| T1               | 17.135             | 69,07           | 18.067             | 71,35           |
| T2               | 6.206              | 25,02           | 6.305              | 24,90           |
| T3               | 528                | 2,13            | -                  | -               |
| T5               | 644                | 2,60            | 750                | 2,96            |
| Khác             | 295                | 1,18            | 201                | 0,79            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>24.808</b>      | <b>100,00</b>   | <b>25.323</b>      | <b>100,00</b>   |

Nguồn: Anvifish

**Bảng 8. Cơ cấu doanh thu qua các năm phân theo loại sản phẩm**

| Loại sản phẩm    | 2011                      |                 | 2012                      |                 |
|------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
|                  | Doanh thu<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Doanh thu<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) |
| T1               | 1.365.896                 | 73,30           | 1.464.178                 | 78,17           |
| T2               | 410.329                   | 22,02           | 364.236                   | 19,45           |
| T3               | 33.320                    | 1,79            | -                         | -               |
| T5               | 29.694                    | 1,59            | 34.686                    | 1,85            |
| Khác             | 24.293                    | 1,30            | 10.024                    | 0,54            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.863.532</b>          | <b>100,00</b>   | <b>1.873.123</b>          | <b>100,00</b>   |

Nguồn: Anvifish

Trong đó, các sản phẩm T1, T2, T3, T5 là các sản phẩm fillet cá tra, được phân loại tùy theo yêu cầu của các khách hàng của từng thị trường về màu sắc, kích cỡ, trọng lượng... Cụ thể, T1 và T2 chủ yếu để xuất sang thị trường Mỹ và EU, còn T3 và T5 được xuất chủ yếu qua thị trường Nga.



**7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành**

**Tình hình sản xuất kinh doanh**

➤ Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu của Công ty hiện nay có từ 2 nguồn chính là: vùng nuôi và nguồn thu mua nguyên liệu.

Vùng nuôi

Khó khăn lớn nhất của vùng nuôi là nguồn vốn cung cấp từ Anvifish chưa đáp ứng được yêu cầu nuôi trồng.

Tuy nhiên, trong năm 2012, Công ty đã phát triển thêm vùng nuôi thứ 6 là vùng nuôi Phú Thuận. Tất cả các vùng nuôi đều áp dụng khắt khe các tiêu chuẩn chất lượng như: Global G.A.P. và SQF 1000CM. Với việc tăng thêm vùng nuôi Phú Thuận thì Anvifish sẽ nâng mức chủ động nguồn nguyên liệu lên trên 60% từ mức 40% trước đó. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm vùng nuôi nhằm nâng mức chủ động nguồn nguyên liệu lên 100% cho những năm tiếp theo.

Thu mua nguyên liệu

Đối phó với sự biến động rất lớn về giá cả cũng như sự thiếu hụt trầm trọng nguồn nguyên liệu trong năm, Ban điều hành với nhiều kinh nghiệm đã có những chiến lược đúng đắn như: mở rộng vùng nuôi, tạo mối hợp tác tốt với người nuôi, tìm kiếm nguyên liệu không những ở tỉnh nhà mà còn ở các tỉnh lân cận, phương thức thanh toán linh hoạt, ...

**Bảng 9. Một số nhà cung cấp chính cá nguyên liệu của Công ty**

| TT | Họ và Tên            | Địa chỉ                 |
|----|----------------------|-------------------------|
| 1  | Châu Tấn Vinh        | Vĩnh Chánh – Thoại Sơn  |
| 2  | Cao Lương Tri        | Hòa An - Chợ Mới        |
| 3  | Nguyễn Văn Trọng     | Vĩnh Trinh - Vĩnh Thạnh |
| 4  | Mạc Quang Kỳ         | Hòa Bình - Chợ Mới      |
| 5  | Cty CP Hoàn Mỹ       | Tân Thạnh - Thanh Bình  |
| 6  | Phù Anh Dũng         | Bình Thạnh - Châu Thành |
| 7  | Mai Xuân Phú         | Bình Thạnh - Châu Thành |
| 8  | Hồ Hữu Trí           | Quế An - Vũng Liêm      |
| 9  | Nguyễn Thị Huệ       | Trung Kiên - Thốt Nốt   |
| 10 | Phạm Văn Năm         | Long Giang - Chợ Mới    |
| 11 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | Bình Thạnh - Hồng Ngự   |
| 12 | Phí Quang Đức        | Tân Lộc - Thốt Nốt      |
| 13 | Nguyễn Thị Hiệp      | Thuận Hưng - Thốt Nốt   |
| 14 | Nguyễn Văn Viễn      | Tân Thành - Lai Vung    |
| 15 | Nguyễn Thị Ánh       | An Châu - Châu Thành    |

|    |                   |                          |
|----|-------------------|--------------------------|
| 16 | Cty TNHH Bình Tây | Nhơn Mỹ - Chợ Mới        |
| 17 | Phan Thị Kim Thúy | Mỹ Hòa Hưng - Long Xuyên |
| 18 | Nguyễn An Khanh   | Mỹ Long - Cao Lãnh       |
| 19 | Lê Kim Hương      | Vĩnh Trạch - Thoại Sơn   |
| 20 | Lê Minh Hưng      | Bình Thạnh - Châu Thành  |

Nguồn: Anvifish

Về các nguyên vật liệu khác thì Công ty cũng có một số nhà cung cấp quen thuộc. Tiêu biểu một số nhà cung cấp bao bì và hóa chất của Việt An:

**Bảng 10. Một số nhà cung cấp chính bao bì và hóa chất của Công ty**

| STT             | Nhà cung cấp                      | Địa chỉ                                                 |
|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>Bao bì</b>   |                                   |                                                         |
| 1               | Công ty Bao bì XK & TM Vạn Thành  | Km 1930 QL 1A H. Bến Lức, Long An                       |
| 2               | Công ty TNHH SXTM Tân Thuận Thành | Lô 43A, đường số 2, KCN Tân Tạo, TP. HCM                |
| 3               | Công ty CP In và Bao bì Đồng Tháp | 212 Lê Lợi, phường 3, TX Sa Đéc, Đồng Tháp              |
| <b>Hóa chất</b> |                                   |                                                         |
| 1               | Công ty TNHH TM Ngọc Xuân Dinh    | 311 c/c Gò Dầu 1, lô D, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. HCM |
| 2               | Công ty TNHH Song Toàn            | 18B Nam Quốc Cang, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP. HCM       |
| 3               | Công ty TNHH Thành Đạt            | 101B Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ   |

Nguồn: Anvifish

**b. Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Theo Công ty được biết, diện tích nuôi khoảng 6.500 ha (trên tổng số hơn 4 triệu ha đất của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long) đã sản xuất được hơn 1 triệu tấn cá tra. Các tỉnh dẫn đầu về sản xuất cá basa là An Giang và Đồng Tháp.

Với đặc thù của một đơn vị ngành cá thì tỷ trọng chi phí nguồn nguyên liệu cá là rất cao. Do đó, sự ổn định của nguồn nguyên liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty.

Nhận thức được điều này, ngay từ đầu Công ty đã chú trọng việc xây dựng vùng nguyên liệu nhằm chủ động và kiểm soát được nguồn nguyên liệu đầu vào. Hiện nay, với vùng nguyên liệu sạch tự có thì Công ty có thể chủ động được khoảng 60% nguồn nguyên liệu.

Không những chú trọng sự ổn định về số lượng mà Công ty cũng rất chú trọng về mặt ổn định chất lượng của nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm đầu ra.

Vì vậy, mặc dù nguồn nguyên liệu trong các năm biến động thường xuyên nhưng với chiến lược đúng đắn thì mức độ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua là không đáng kể.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Việc ảnh hưởng của giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hiệu quả của Công ty. Đặc biệt, trong thời gian vừa qua, cá nguyên liệu bị thiếu hụt nguồn cung trầm trọng, chi phí đầu vào tăng cao. Tuy nhiên, nhờ chiến lược phát triển vùng nuôi hợp lý và chiến lược thu mua nguyên liệu linh hoạt đã giúp Công ty vẫn đảm bảo được quá trình sản xuất.

➤ Chi phí sản xuất

**Bảng 11. Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm**

| Yếu tố chi phí      | 2011                  |               | 2012                  |               | 9 tháng/2013          |              |
|---------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|-----------------------|--------------|
|                     | Giá trị<br>(tr. đồng) | % DTT         | Giá trị<br>(tr. đồng) | % DTT         | Giá trị<br>(tr. đồng) | % DTT        |
| Giá vốn hàng bán    | 1.550.154             | 83,18         | 1.580.293             | 84,37         | 1.015.945             | 85,41        |
| Chi phí tài chính   | 145.325               | 7,80          | 98.482                | 5,26          | 60.082                | 5,05         |
| Trong đó: Lãi vay   | 91.103                | 4,89          | 91.628                | 4,89          | 50.031                | 4,21         |
| Chi phí bán hàng    | 135.445               | 7,27          | 138.785               | 7,41          | 79.741                | 6,70         |
| Chi phí QLDN        | 49.399                | 2,65          | 52.883                | 2,82          | 25.171                | 2,12         |
| Chi phí khác        | 205                   | 0             | 7.189                 | 0,38          | 491                   | 0,04         |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>1.880.528</b>      | <b>100,91</b> | <b>1.877.632</b>      | <b>100,24</b> | <b>1.181.430</b>      | <b>99,32</b> |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

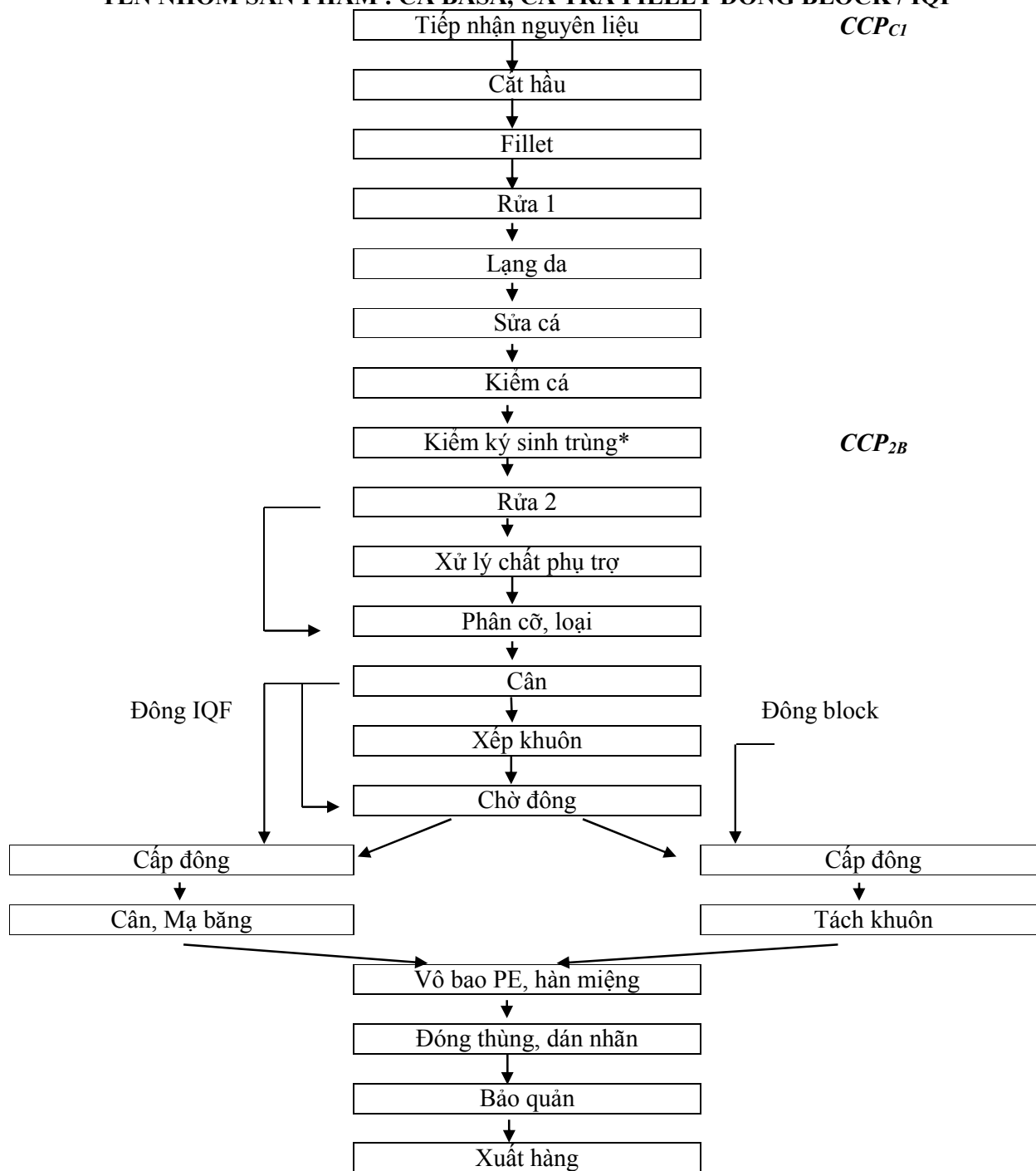
Trong thời gian qua, cuộc khủng hoảng kinh tế vĩ mô đã có những tác động rất lớn đến hoạt động của Công ty. Trong đó, chủ yếu và quan trọng nhất là sự gia tăng của giá vốn hàng bán đã làm giảm đáng kể hiệu quả hoạt động của Công ty. Cụ thể, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng từ mức 83,18% năm 2011 lên mức 84,37% năm 2012, và mức 85,41% trong 9 tháng đầu năm 2013.

➤ Trình độ công nghệ

Về năng lực sản xuất của các xí nghiệp:

- **Xí Nghiệp Chế biến An Thịnh:** có công suất chế biến 100 tấn cá nguyên liệu/ngày, hệ thống cấp đông với 04 băng chuyền cấp đông siêu tốc IQF 500kg/h/1; 04 tủ đông tiếp xúc công suất 2.000kg/h/1;
- **Xí Nghiệp Chế biến Việt Thắng:** có công suất chế biến 150 tấn cá nguyên liệu/ngày, hệ thống cấp đông với 04 băng chuyền cấp đông siêu tốc IQF 500kg/h/1; 06 tủ đông tiếp xúc công suất 2.000kg/h/1.
- **Xí Nghiệp Kho vận:** có sức chứa 3.500 tấn thành phẩm.

Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất tiên tiến nhất cho quá trình sản xuất sản phẩm như: băng chuyền cấp đông, tủ cấp đông, máy nén do Mycom (Nhật Bản) sản xuất, máy phân cỡ của Đan Mạch và một số thiết bị phụ trợ khác do châu Âu sản xuất.

**SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CHẾ BIẾN****TÊN NHÓM SẢN PHẨM : CÁ BASA, CÁ TRA FILLET ĐÔNG BLOCK / IQF**

Ghi chú : (\*) Điểm kiểm soát tới hạn CCP

**C: Chemical.****B: Biological**

Bảng 12. Một số máy móc thiết bị chính

| STT                           | Tên thiết bị                         | Thông số kỹ thuật thiết bị                         | Nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng |
|-------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|---------------------|
| <b><u>Băng chuyền IQF</u></b> |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Băng chuyền IQF MyCom                | 500 kg/mẻ                                          | Nhật          | 2005                |
| 2                             | Băng chuyền IQF Việt Nam             | 500 kg/mẻ                                          | Việt Nam      | 2005, 2006          |
| <b><u>Máy nén:</u></b>        |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Máy nén Mycom (hệ cấp đông)          | Máy nén N62WB, motor 3 pha 100HP                   | Nhật & Ấn Độ  | 2005                |
| 2                             | Máy nén Mycom (hệ cấp đông)          | Máy nén 62WB, motor 75 kW, 121/70A, 380 V          | Nhật & Úc     | 2006, 2008          |
| 3                             | Máy nén Mycom (hệ cấp đông)          | Máy nén N62WB, motor 3 pha 120HP                   | Nhật & Ấn Độ  | 2005                |
| 4                             | Máy nén Mycom (hệ cấp đông)          | Máy nén N62WB, motor 3 pha 100HP                   | Nhật & Úc     | 2006, 2008          |
| 5                             | Máy nén Mycom (nước lạnh + điều hoà) | Máy nén 62WB, motor 75 kW, 121/70A, 380 V          | Nhật & Úc     | 2006                |
| 6                             | Máy nén Mycom (hệ kho)               | Máy nén 62WB, motor 75 kW, 121/70A, 380 V          | Nhật & Úc     | 2006                |
| 7                             | Máy nén Mycom (hệ kho)               | Máy nén N62WB, motor 3 pha 120HP                   | Nhật & Ấn Độ  | 2005                |
| <b><u>Tủ đông:</u></b>        |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Tủ đông tiếp xúc                     | 1.000 kg/mẻ                                        | Việt Nam      | 2005, 2006          |
| <b><u>Dàn ngưng</u></b>       |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Dàn ngưng (Baltimor)                 | Quạt 1 7.5 HP, quạt 2 11 HP, motor bơm nước 7.5 HP | Malaysia      | 2005                |
| 2                             | Dàn ngưng (Baltimor)                 | Motor giải nhiệt 5.5 kW, 380V/415 V                | Malaysia      | 2006                |
| 3                             | Dàn ngưng (Baltimor)                 | Motor kéo 2 quạt 15 kW, 380V/ 415V                 | Malaysia      | 2006                |
| 4                             | Dàn ngưng (Baltimor)                 | Motor kéo 1 quạt 7.5 kW 380V/415V                  | Malaysia      | 2006                |
| <b><u>Máy lạn da</u></b>      |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Máy lạn da                           | 40 – 60 miếng/phút                                 | Bỉ            | 2005, 2007          |
| 2                             | Máy lạn da Xcretel                   | 40 – 60 miếng/phút                                 | Bỉ            | 2007                |
| 3                             | Máy lạn da Mỹ                        |                                                    | Mỹ            | 2009                |
| <b><u>Tháp giải nhiệt</u></b> |                                      |                                                    |               |                     |
| 1                             | Tháp giải nhiệt máy nén              | Water Flow 650l/min, motor 1.5 HP                  | Trung Quốc    | 2005                |
| 2                             | Tháp giải nhiệt chiller              | 150000 kCAL/HR                                     | Trung Quốc    | 2005                |

|   |                         |                |            |      |
|---|-------------------------|----------------|------------|------|
| 3 | Tháp giải nhiệt chiller | 234000 kCAL/HR | Trung Quốc | 2005 |
| 4 | Tháp giải nhiệt chiller | 273000 kCAL/HR | Trung Quốc | 2005 |
| 5 | Tháp giải nhiệt chiller | 234000kCAL/HR  | Trung Quốc | 2005 |

**Một số thiết bị khác**

|   |                                 |                                                           |                 |            |
|---|---------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|------------|
| 1 | Máy rửa rô                      |                                                           | Đức             | 2005       |
| 2 | Hầm đông gió                    | 1 dàn lạnh/4 motor (400v, 50Hz, 125W, 1300u/min, cos0.75) | Đức & Indonesia | 2005       |
| 3 | Dàn lạnh làm lạnh nước BUCO     |                                                           | EU              |            |
| 4 | Dàn lạnh làm lạnh nước GUENTNER |                                                           | EU              |            |
| 5 | Máy phân cỡ Marel               | 120 PCS/min                                               | Iceland         | 2005, 2006 |
| 6 | Dàn lạnh (kho vận)              | 0.78/0.55 kW, 50 Hz, 400/10%                              | Indonesia       | 08/2006    |

Nguồn: Anvifish

**Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

- Hiện nay, các công ty chế biến thủy sản xuất khẩu của Việt Nam với phương thức phổ biến là chế biến theo yêu cầu của khách hàng và thị hiếu thị trường tiêu thụ. Do vậy tùy nhu cầu của thị trường và yêu cầu của khách hàng, Công ty sẽ thực hiện chế biến các sản phẩm theo đúng quy cách, kích cỡ, chất lượng trong hợp đồng đã ký kết. Trong kế hoạch sắp tới, Công ty chủ yếu tập trung chế biến các sản phẩm cá tra truyền thống, đồng thời nghiên cứu sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng khác để đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm của khách hàng.
- Công ty đang bước đầu thử nghiệm một số mặt hàng đang có xu hướng tăng giá trị xuất khẩu như: cá tẩm bột chiên, fillet cá tra tẩm gia vị, cá rô, cá chẻm, cá kèo, tôm càng xanh... Mặc dù sản lượng chưa cao nhưng đây là những mặt hàng tiềm năng hứa hẹn có thu nhập hấp dẫn.
- Trong các xí nghiệp chế biến, đã sử dụng băng chuyền cá thay cho hệ thống thủy lực nên tiết kiệm nước sạch, hạn chế nước thải, giảm chi phí xử lý môi trường.
- Cải tiến, thay đổi các máy nén piston bằng sử dụng máy nén trục vít mà công suất cấp đông không đổi, tiết kiệm 30% điện năng và giảm chi phí vận hành.

**Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ****a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng****❖ Hệ thống quản lý chất lượng chung đang áp dụng:**

- Giấy chứng nhận HALAL số 42: Do Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP. HCM cấp (có hiệu lực đến 10/7/2011).
- BRC Issue 5 - Grade A: do tổ chức SGS đánh giá và được tổ chức UKAS cấp chứng nhận số GB07/71870.
- IFS phiên bản 5: Do tổ chức SGS đánh giá và được tổ chức DAR cấp chứng nhận số DO9 /81819715.
- ISO 22000:2005 do tổ chức SGS Việt Nam đánh giá và được tổ chức Thụy Sĩ cấp chứng nhận số CH08/0067.
- EU CODE DL 359 do Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và thú y thủy sản (Bộ Thủy sản) cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản có mã số 07/2008, ngày 24/01/2008.
- EU CODE DL 75 do Cục Quản lý Chất lượng chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản có mã số DL 75 số 51 / 2007.

- Chứng nhận ISO 17025:2005 mã số VILAX 241 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp cho Phòng Thí nghiệm Công ty.
- Chứng nhận Global GAP cho vùng nuôi.
- Chứng nhận Global GAP cho nhà máy.
- Chứng nhận ASC – Aquaculture Awardship Council
- Chứng nhận BAP cho vùng nuôi.

❖ Hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành đang áp dụng:

- IFS, BRC, ISO 22000:2005, ISO 17025:2005 (VILAS) DL 539, DL 75, HALAL.
- Công ty đang hướng tới thực hiện việc tiêu chuẩn hóa GlobalGAP cho các trang trại nuôi cá, kể cả các vùng nuôi liên kết thuộc vùng nuôi của Công ty. Hiện nay, Công ty đã xây dựng 02 vùng nuôi theo tiêu chuẩn GlobalGAP, phối hợp liên kết kinh doanh đảm bảo vùng nuôi có được những điều kiện tốt nhất để thực hiện đúng tiêu chuẩn như: Trung tâm giống thủy sản tỉnh An Giang, cơ sở chăn nuôi Vĩnh Khánh và Công ty TNHH Cargill Việt Nam.

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Phòng KCS chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, và chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc. Theo nguyên tắc của quản lý chất lượng, toàn bộ hoạt động của Công ty được thực hiện thông qua các quá trình từ khâu “đầu vào - quá trình sản xuất - đến đầu ra”. Mỗi quá trình có đầu vào là các điều kiện và đầu ra là kết quả của quá trình. Sản phẩm của công ty làm ra trước khi cung cấp cho khách hàng được phòng KCS có trách nhiệm kiểm tra từ khi nhập vật tư nguyên liệu đến khi thành sản phẩm, giao hàng theo quy trình.
- Ngoài ra, Trung tâm Kiểm định chất lượng thủy sản thuộc Công ty cũng đã thực hiện:
  - Thử nghiệm Phương pháp kiểm Malachit green - Leucomalachit tại phòng thí nghiệm theo tài liệu FDA và xây dựng cải tiến thành phương pháp riêng cho Phòng Thí nghiệm áp dụng từ tháng 11/2006. Chi phí cho nghiên cứu là 20 triệu đồng với ưu điểm là qui trình thử nghiệm đơn giản không qua thử cột C18 SPE, thời gian trích ly ngắn và giảm chi phí vì không sử dụng cột C18 SPE (giá khá cao).
  - Thử nghiệm Phương pháp kiểm Enrofloxacin - Ciprofloxacin tại phòng thí nghiệm theo tài liệu AOAC (J.Association of Analytical Communities) và xây dựng cải tiến thành phương pháp riêng cho Phòng Thí nghiệm áp dụng từ tháng 12/2008. Chi phí cho nghiên cứu là 20 triệu đồng và ưu điểm là tiết kiệm thời gian (thời gian trích lấy mẫu nhanh hơn, thời gian lưu ngắn hơn), qui trình thử nghiệm đơn giản hơn và giảm chi phí cho mỗi mẫu đến 50.000 đồng.

### **Tình hình đầu tư**

Công ty hiện đang vận hành 1 xí nghiệp kho vận có sức chứa 3.500 tấn thành phẩm và 2 xí nghiệp chế biến với tổng công suất chế biến là 250 tấn cá nguyên liệu/ngày. Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất tiên tiến nhất cho quá trình sản xuất sản phẩm.

Bên cạnh đó, Công ty đã chú trọng việc xây dựng vùng nguyên liệu nhằm chủ động và kiểm soát được nguồn nguyên liệu đầu vào. Tất cả các vùng nuôi đều áp dụng khắt khe các tiêu chuẩn chất lượng như: Global G.A.P. và SQF 1000CM. Hiện nay, với việc đầu tư vào vùng nguyên liệu sạch tự có thì Công ty có thể chủ động được khoảng 60% nguồn nguyên liệu và kiểm soát được chất lượng. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm vùng nuôi nhằm nâng mức chủ động nguồn nguyên liệu lên 100% cho những năm tiếp theo.

### **7.3 Hoạt động Marketing**

a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu

- Trong xu thế hội nhập phát triển, tính cạnh tranh ngày càng quyết liệt với càng ngày càng nhiều công ty trong và ngoài nước có tiềm lực kinh tế mạnh, kỹ thuật sản xuất hiện đại, công nghệ quản

lý tiên tiến, thì bên cạnh chính sách xây dựng và bảo vệ thương hiệu thì các chính sách marketing nhằm quảng bá thương hiệu là hết sức quan trọng.

- Công ty đã đăng ký bảo hộ trong nước và ở nước ngoài đối với các tài sản trí tuệ để bảo vệ tính cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Công ty đang tiến hành xây dựng xí nghiệp bao bì để phục vụ cho việc in ấn, đóng gói bao bì cho sản phẩm của công ty, làm cho khách hàng dễ phân biệt với hàng nhái, hàng giả.
- Ngoài văn phòng đại diện của Anvifish tại Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu trong nước, Công ty còn có Công ty liên kết tên MEKONG SEAFOODS đặt tại San Jose, California để đảm nhận xuất hàng và quảng bá thương hiệu cho thị trường Châu Mỹ, nhất là USA và sắp tới là Brazil.
- Bên cạnh đó, việc quảng bá trên Internet được Công ty rất chú trọng. Công ty sở hữu tên miền với website tương ứng là [www.anvifish.com](http://www.anvifish.com), phục vụ giao dịch quảng bá cả trong và ngoài nước. Website này luôn cập nhật tin tức liên quan đến hoạt động của Công ty, các tin tức liên quan đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản của Việt Nam và thế giới. Khách hàng có thể tìm thấy các thông tin liên quan đến hàng hóa của mình ngay trên website của Anvifish.
- Ngoài ra, nhân viên, lãnh đạo và ban Tổng Giám đốc đều giao dịch điện tử qua email với tên miền Việt Nam với domain .....@anvifish.com.vn.

**b. Chính sách giá**

- Ngoài việc đảm bảo chất lượng sản phẩm thì chính sách giá cả cũng phải hợp lý, tính cạnh tranh cao thì Công ty mới có thể tồn tại được.
- Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất và quản lý không chỉ giúp Công ty quản lý tốt chất lượng sản phẩm mà còn giúp Công ty quản lý và tiết kiệm được các khoản chi phí; từ đó, giúp giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Do ảnh hưởng chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành và giá thường xuyên biến động, nên chiến lược chào giá bán hàng cũng thay đổi theo từng thời kỳ, ứng với từng khách hàng và từng thị trường khác nhau. Đặc biệt, công ty có chính sách giá linh hoạt hướng theo cách ưu tiên trong các điều kiện thanh toán đối với các khách hàng truyền thống của Công ty.

**c. Xúc tiến bán hàng**

- Vấn đề xúc tiến thương mại đối với Công ty luôn được xác định là công việc thường xuyên. Công ty đã xây dựng trang web riêng của mình và việc xúc tiến bán hàng cũng thực hiện qua email, điện thoại hoặc bán hàng trực tiếp.
- Công ty cũng chú trọng đến công tác gặp gỡ giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới để mở ra các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình. Đặc biệt, thông qua các đối tác và khách hàng thân thuộc ở các thị trường để lập kênh phân phối độc quyền và lãnh đạo Công ty trực tiếp thực hiện chính sách chăm sóc khách hàng, đi đến thăm từng khách hàng ở các nước.
- Đối với việc tìm kiếm thị trường mới, Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi tiếp thị ở các nước hoặc thông qua các hội chợ triển lãm quốc tế nhằm tạo cơ hội để các đối tác tiếp cận được với sản phẩm của Công ty. Thời gian qua, Công ty thường xuyên tham dự các hội chợ thủy sản thế giới tổ chức tại Boston (USA), Brusell (Bỉ), Moscow (Nga), VietFish (Việt Nam) và một số hội chợ thủy sản tại Du-Bai, Tây Ban Nha, Tokyo,...
- Công ty hoạt động với phương châm lấy chất lượng làm mục tiêu, để luôn tạo được sự tín nhiệm đối với khách hàng, đảm bảo sản phẩm chất lượng, phục vụ uy tín và đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Bên cạnh đó, Công ty còn có các chính sách hỗ trợ khách hàng như: hỗ trợ giá ưu đãi cho khách hàng mới, hỗ trợ về phương thức thanh toán ưu đãi cho khách hàng truyền thống, cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng: giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo đảm chính xác theo hợp đồng,...

**d. Phương thức phân phối**



- Công ty có một đối tác chiến lược và cũng là khách hàng truyền thống của công ty tại Mỹ có hệ thống các cửa hàng phân phối tiêu thụ sản phẩm cá tra fillet tương đối rộng khắp nước Mỹ.
- Sau khi thực hiện xong việc xin xem xét lại mức thuế nhập khẩu các sản phẩm cá tra, Công ty sẽ có điều kiện tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm vào thị trường Mỹ.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Việt An:
  - Kênh 1: Phân phối trực tiếp - thông qua các công ty liên kết của Công ty.
  - Kênh 2: Phân phối gián tiếp – thông qua khách hàng truyền thống đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng qua hệ thống siêu thị trên khắp các nước trên thế giới. Đặc biệt hiện nay Công ty Việt An là nhà cung cấp độc quyền cho hệ thống Metro Cash Carry tại Châu Âu.
  - Kênh 3: Thông qua các hội chợ thủy sản thế giới.

#### 7.4 **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Logo và thương hiệu của Anvifish đã được đăng ký bảo hộ trong nước và các nước trên thế giới như sau :
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ANVIFISH số 93422 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp (theo quyết định số: 19933/QĐ-SHTT, ngày 19/12/2007):
  - Mẫu nhãn hiệu: **ANVIFISH**
  - Màu sắc nhãn hiệu: Cam.
  - Loại nhãn hiệu: Thông thường.
  - Danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhóm 29 - Các sản phẩm thủy hải sản chế biến; Nhóm 31 - Thủy hải sản tươi (còn sống); Nhóm 35 - Mua bán các loại thủy hải sản.
- Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu LOGO số 93423 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp (theo quyết định số 19934/QĐ-SHTT, ngày 19/12/2007).
  - Mẫu nhãn hiệu



- Công ty đã đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp đối với tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm do Anvifish sản xuất.

#### 7.5 **Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng 13. Danh sách các khách hàng tiêu biểu của Công ty trong năm 2013**

| TT | Tên khách hàng            | Quốc gia  | Số hiệu Hợp đồng (đại diện) | Ngày tháng | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện | Tình trạng hợp đồng |
|----|---------------------------|-----------|-----------------------------|------------|------------------------|---------------------|---------------------|
| 1  | BIDVEST Australia Limited | Australia | 01/AV-BID-2013              | 01/2013    | 3.566.250,00           | Năm 2013            | Đã ký kết           |
| 2  | ARGIS GALAC SEA SARL      | France    | 04/AV-AR-2013               | 01/2013    | 795.600,00             | Năm 2013            | Đã ký kết           |
| 3  | INLET                     | Spain     | 03/AV-INL/2013              | 04/2013    | 1.156.815,26           | Năm 2013            | Đã ký kết           |
| 5  | MGB METRO GROUP           | Germany   | 06/13/AVF-METRO             | 02/2013    | 2.378.324,83           | Năm 2013            | Đã ký kết           |

|                  |                             |           |                  |         |                      |          |           |
|------------------|-----------------------------|-----------|------------------|---------|----------------------|----------|-----------|
| 6                | ALL FISH                    | Germany   | 06/AV-CITTI-2013 | 05/2013 | 2.048.390,00         | Năm 2013 | Đã ký kết |
| 7                | HMF FOOD PRODUCTION         | Germany   | 01/AV-HMF-2013   | 03/2013 | 840.800,00           | Năm 2013 | Đã ký kết |
| 8                | SUNDANCE FOOD. SA           | Mexico    | 02/AV-SF-2013    | 06/2013 | 5.494.240,00         | Năm 2013 | Đã ký kết |
| 9                | AMANDA FOOD PRIVATE LIMITED | Singapore | 020/ASFS/2013    | 02/2013 | 4.225.471,90         | Năm 2013 | Đã ký kết |
| <b>Tổng cộng</b> |                             |           |                  |         | <b>20.505.891,99</b> |          |           |

Nguồn: Anvifish

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm gần nhất

### 8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 14. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2013**

Dvt: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu                   | 2011      | 2012      | % tăng/ giảm | 9 tháng/2013 |
|----|----------------------------|-----------|-----------|--------------|--------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản       | 1.890.917 | 1.659.861 | -12%         | 1.651.178    |
| 2  | Doanh thu thuần            | 1.863.533 | 1.873.123 | 1%           | 1.206.718    |
| 3  | Lợi nhuận từ HĐKD          | 63.501    | 38.532    | -39%         | 23.337       |
| 4  | Lợi nhuận khác             | 1.528     | (3.024)   | -298%        | (57)         |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế       | 65.029    | 35.508    | -45%         | 23.394       |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế         | 61.374    | 32.314    | -47%         | 20.312       |
| 7  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 54,99%    | 86,53%    | 57%          | -            |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

Năm 2012 là năm nền kinh tế toàn cầu vẫn chưa vượt qua được cơn bão khủng hoảng, thể hiện rõ qua việc sức mua bị giảm đáng kể, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ và Châu Âu. Trước tình hình chung đó, Ban lãnh đạo Công ty đã xác định mục tiêu là cố gắng duy trì được sản xuất, giảm thiểu rủi ro. Cụ thể, Công ty tập trung vào thị trường châu Mỹ vì đây là thị trường rộng lớn và ít gặp rủi ro về thanh toán. Kết quả doanh thu thuần năm 2012 của Công ty đạt hơn 1.873 tỷ đồng, tăng 0,51% so với năm 2011, đạt 98,59% so với kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, xuất phát từ chính sách chia sẻ khó khăn trong cơn khủng hoảng với các khách hàng truyền thống cùng với tỷ lệ lãi vay còn khá cao (hơn 91,6 tỷ đồng lãi vay trong năm 2012) nên hiệu quả hoạt động cũng như khả năng sinh lời của Công ty chưa cao. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 32 tỷ đồng, giảm 47,35% so với năm trước, và đạt 39,89% so với kế hoạch.

### Đánh giá kết quả đạt được và phân tích nguyên nhân

Nhìn chung, trong năm 2012, Công ty đã đạt được mục tiêu chính đó là duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động giảm mạnh do nhiều yếu tố:

- **Thị trường đầu ra:** các thị trường xuất khẩu chính đều giảm sức mua đáng kể, đặc biệt là thị trường châu Âu. Giá bán cũng giảm vì cạnh tranh rất quyết liệt (giá bán bình quân năm 2012 của

Công ty là 3,08 USD/kg, so với con số 3,459 USD/kg của năm 2011) đồng thời cũng xuất hiện nhiều rủi ro trong thanh toán. Do đó, Công ty đã xác định trọng tâm là thị trường châu Mỹ nhằm giảm thiểu rủi ro. Cụ thể 2 thị trường chính như sau: châu Mỹ chiếm khoảng 70% doanh thu với giá bán bình quân là 3,24 USD/kg, kể đến là châu Âu chiếm khoảng 21% doanh thu với giá bán bình quân 3,05 USD/kg.

- **Nguồn nguyên liệu:** khủng hoảng trầm trọng do người nông dân bỏ ao nuôi vì giá bán không bù được giá thành. Sự thiếu liên kết do thiếu niềm tin giữa nuôi và chế biến đã làm ngành cá tra điều đứng.
- **Nguồn vốn tín dụng:** thiếu sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước. Lãi vay là một gánh nặng rất lớn đè lên Doanh nghiệp vì vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn tín dụng ngắn hạn.

## 8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

### a. Thuận lợi

- Đầu tiên phải kể đến là lợi thế thương hiệu Anvifish. Thực tế, rất nhiều khách hàng mới tự tìm đến Anvifish nhờ vào nhãn hiệu sản phẩm (DL 359) có mặt trên thị trường.
- Kể đến, là lợi thế về đội ngũ quản lý giỏi, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết với Công ty, nhạy bén với những điều chỉnh của thị trường, và có những chiến lược nhanh chóng, đúng đắn và kịp thời.
- Ngoài ra, trình độ công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại và luôn được chú trọng đầu tư cũng như bảo trì, bảo dưỡng là một thuận lợi cho quá trình sản xuất.
- Hơn nữa, Anvifish cũng đã văn bản hóa các công đoạn trong quá trình sản xuất, hoạt động, và được kiểm soát theo nhiều hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như: HACCP, ISO 22000:2005, IFS phiên bản 5, BRC phiên bản 5, Global G.A.P., BAP, ISO/IEC/ 17025:2005... cộng với việc trang bị phòng thí nghiệm hiện đại để phân tích các chỉ tiêu vi sinh, kháng sinh.
- Một thuận lợi đáng kể của Anvifish hiện nay là các mối quan hệ rộng và thân thiết với nhiều ngân hàng, nên công tác tài chính vẫn đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong những giai đoạn khó khăn nhất.

### b. Khó khăn

- Khủng hoảng nguyên liệu: giá biến động mạnh, thiếu hụt nguồn cung trầm trọng.
- Mặc dù rủi ro tài chính của Công ty là thấp vì Công ty được vay ngoại tệ với lãi suất thấp, nhưng việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao trong tình hình lãi suất tăng cao, tín dụng thu hẹp như trong thời gian qua đã gây ra nhiều khó khăn đáng kể.
- Khách hàng thanh toán chậm do khủng hoảng kinh tế đã làm ảnh hưởng đáng kể đến dòng tiền hoạt động cũng như hiệu quả quay vòng vốn của Công ty.
- Sự biến động nhân sự lớn trong năm đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý điều hành.
- Vừa qua, các thông tin xấu từ vĩ mô và các công ty trong cùng ngành đã làm giảm niềm tin của bà con nông dân, nhà đầu tư vào các công ty ngành cá nói chung và Anvifish nói riêng. Vì vậy, Anvifish cần tăng cường việc bảo vệ và phát triển thương hiệu; Chú trọng thường xuyên việc công khai thông tin minh bạch; Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng mới nhất; và Tăng cường liên kết với các công ty cùng ngành và các cơ quan ban ngành, Hiệp hội nhằm bảo vệ sản phẩm cá tra Việt Nam.

## 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 9.1 Vị thế của Công ty trong ngành:

- Hiện nay, Việt An đã trang bị các máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại trong sản xuất và chế biến nhằm đảm bảo chất lượng cũng như các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, thực phẩm. Công ty có thể tự hào nói rằng Việt An là công ty đầu tiên có phòng thí nghiệm (kháng sinh và vi sinh) được cấp chứng nhận VILAX. Hơn nữa, Việt An luôn luôn cố gắng giữ được chữ tín về chất

lượng sản phẩm, thời gian giao hàng,... Chính vì thế, Việt An đã dần tạo được uy tín, hình ảnh tốt cũng như từng bước tạo được vị thế trên thị trường trong và ngoài nước.

- Theo Vasep, Anvifish đứng thứ 4 trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra năm 2012 với kim ngạch xuất khẩu là 77,9 triệu USD, chiếm khoảng 4,76% thị phần. Ba đối thủ cạnh tranh trực tiếp lớn nhất là: Vĩnh Hoàn, Hùng Vương và Agifish. Các công ty nhỏ sẽ gặp khó khăn hơn trong năm 2013 do đã trải qua năm 2012 khó khăn, nhiều công ty quy mô vừa và nhỏ đã phá sản, ngừng hoạt động. Đây là cơ hội lớn cho các công ty còn tồn tại có thể phát triển thông qua M&A hoặc chiếm lĩnh thị trường của các doanh nghiệp nói trên.

**Bảng 15. So sánh tài chính năm 2012 với một số công ty hàng đầu trong ngành:**

| Chỉ tiêu                        | AGF   | VHC   | HVG   | AVF   |
|---------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Cơ cấu vốn</b>               |       |       |       |       |
| Nợ phải trả / Tổng tài sản      | 0,58  | 0,54  | 0,60  | 0,74  |
| Nợ phải trả / Vốn CSH           | 1,38  | 1,26  | 1,75  | 2,78  |
| Nợ ngắn hạn / Nợ phải trả       | 0,98  | 1,00  | 0,99  | 1,00  |
| Vay ngắn hạn / Nợ ngắn hạn      | 0,76  | 0,75  | 0,78  | 0,87  |
| <b>Cơ cấu tài sản</b>           |       |       |       |       |
| Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | 0,72  | 0,74  | 0,75  | 0,80  |
| Tài sản dài hạn / Tổng tài sản  | 0,28  | 0,26  | 0,25  | 0,20  |
| <b>Khả năng thanh toán</b>      |       |       |       |       |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn       | 1,27  | 1,37  | 1,27  | 1,09  |
| Hệ số thanh toán nhanh          | 0,53  | 0,78  | 0,63  | 0,66  |
| <b>Năng lực hoạt động</b>       |       |       |       |       |
| Vòng quay tổng tài sản          | 1,70  | 1,54  | 1,21  | 1,06  |
| Kỳ phải thu bình quân           | 66    | 44    | 110   | 153   |
| Kỳ tồn kho bình quân            | 86    | 90    | 108   | 113   |
| Kỳ thanh toán bình quân         | 22    | 12    | 43    | 22    |
| <b>Cơ cấu chi phí</b>           |       |       |       |       |
| GVHB/DDT                        | 87,5% | 87,0% | 85,9% | 84,4% |
| Chi phí tài chính ròng / DDT    | -1,5% | 0,5%  | -2,9% | -3,3% |
| Lãi vay/DDT                     | 2,2%  | 1,4%  | 3,5%  | 4,9%  |
| Chi phí bán hàng / DTT          | 7,9%  | 5,2%  | 6,0%  | 7,4%  |
| Chi phí QLDN / DTT              | 1,3%  | 2,0%  | 1,8%  | 2,8%  |
| <b>Khả năng sinh lời</b>        |       |       |       |       |

| Chỉ tiêu                 | AGF  | VHC   | HVG   | AVF  |
|--------------------------|------|-------|-------|------|
| Lợi nhuận biên từ HĐSXKD | 1,7% | 6,2%  | 3,4%  | 2,1% |
| LNST/Doanh thu thuần     | 1,2% | 5,0%  | 3,4%  | 1,7% |
| ROE                      | 5,2% | 16,4% | 12,2% | 7,8% |
| ROA                      | 2,1% | 7,7%  | 4,1%  | 1,8% |

*Ghi chú: Công ty tính toán dựa trên BCKT năm 2012 đã công bố của các công ty*

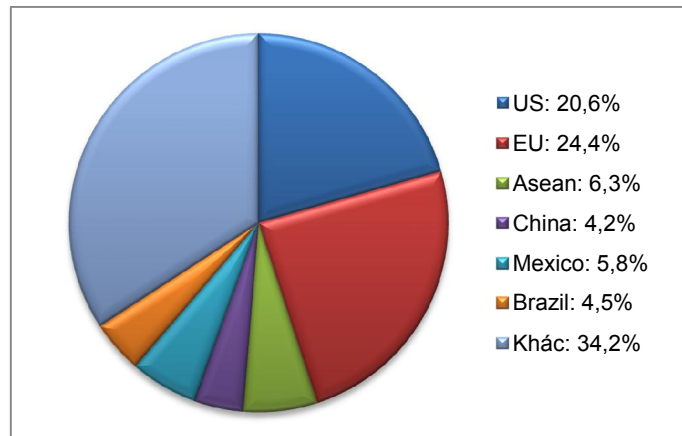
## 9.2 Phân tích SWOT:

| Điểm mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Điểm yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Thương hiệu và uy tín ngày một phát triển</li> <li>Lượng khách hàng lớn của công ty tương đối ổn định, trong đó có hệ thống khách hàng trung thành gồm các khách hàng khó tính của Mỹ và Châu Âu.</li> <li>Chất lượng đáp ứng được với yêu cầu của hầu hết các thị trường, trong đó có những thị trường khắt khe nhất.</li> <li>Đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và nhạy bén với thị trường</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lực lượng lao động luôn biến động chưa đáp ứng hoàn toàn được nhu cầu công ty</li> <li>Công ty chưa hoàn toàn chủ động 100% nguồn nguyên liệu.</li> <li>Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao, do đó phụ thuộc rất nhiều vào chính sách tiền tệ và chính sách vĩ mô.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Cơ hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nguy cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Các công ty nhỏ cạnh tranh bằng giá khó có thể tiếp tục tồn tại trong năm 2013 nên đây có thể là cơ hội cho các công ty lớn với quy mô và thị trường phát triển như Việt An.</li> <li>Hình ảnh cá tra Việt Nam được nâng cao trong mắt người tiêu dùng thế giới.</li> <li>Giá trị doanh nghiệp tăng lên khi hoàn thành chuỗi giá trị liên kết.</li> </ul>                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguyên liệu có thể sẽ rất khó khăn trong năm 2013 do nhiều người dân đã bỏ hằm nên giá nguyên liệu có thể sẽ tăng cao.</li> <li>Hàng rào bảo hộ của các thị trường nhập khẩu ngày càng gia tăng và khắt khe hơn.</li> <li>Thị trường lớn nhất của Anvifish là Mỹ luôn tiềm ẩn rủi ro bị áp thuế chống bán phá giá.</li> <li>Do các rủi ro tiềm tàng của ngành thủy sản, các doanh nghiệp trong ngành khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng. Khả năng huy động vốn chủ sở hữu cũng khó khăn do nhà đầu tư đánh giá rủi ro ngành cao.</li> </ul> |

## 9.3 Triển vọng phát triển của ngành

- Theo Vasep, kim ngạch xuất khẩu cá tra năm 2012 đạt khoảng 1,74 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2011. Tuy nhiên, lợi nhuận trong năm 2012 của doanh nghiệp cá tra giảm rất mạnh, do chi phí đầu vào tăng, trong khi giá bán lại có xu hướng giảm so với 2011.

### Cơ cấu thị trường xuất khẩu cá tra năm 2012 (theo giá trị)



Nguồn: Vasep

- Theo Vasep, cá tra Việt Nam đã có mặt tại 135 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm khoảng 80% thị phần thế giới. Tuy nhiên, Thái Lan, Phillipines và nhiều nước khác đang tích cực đầu tư vào việc nuôi và xuất khẩu cá tra để sẵn sàng cạnh tranh với Việt Nam trong thời gian tới.
- Vùng ĐBSCL có khoảng 136 doanh nghiệp cá tra (trong đó 64 doanh nghiệp có nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế hơn 1,2 triệu tấn/năm). Việc có quá nhiều doanh nghiệp xuất khẩu đã dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh. Hậu quả là hiện đã có khoảng 50% số doanh nghiệp này đã phải ngưng hoạt động; chỉ có khoảng 20 doanh nghiệp xuất khẩu ổn định.
- Trong tương lai, sự liên kết là yếu tố sống còn của ngành cá tra. Cốt lõi cho liên kết bền vững là chia sẻ lợi ích hợp lý.
- Nhận định của Công ty về nhu cầu và xu hướng: các thị trường như EU, Mỹ, Úc, Nga vẫn có nhu cầu lớn về cá tra Việt Nam do cá tra không phải là mặt hàng cao cấp. Nhu cầu cá tra thế giới có thể vẫn duy trì ở mức trung bình và có thể tăng nhẹ trong năm 2013.

**9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:**

- Cùng với xu thế hội nhập thì tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Vì vậy, xu hướng phát triển của ngành thủy sản trong tương lai phải đi vào đường lối chuyên nghiệp cả về cách quản lý vùng nguyên liệu, kiểm soát chất lượng, quảng bá thương hiệu... Đặc biệt là khả năng nhận thức của ban lãnh đạo của mỗi doanh nghiệp trong ngành. Đồng thời, cũng cần phải có sự quan tâm, dẫn dắt của các Hiệp hội, ban ngành nhằm hướng đến những bước đi vững chắc và lâu dài.
- Với Công ty thì định hướng phát triển hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung thông qua việc chú trọng các yếu tố sau:
  - Đẩy mạnh việc áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đáp ứng các điều kiện khắt khe của tất cả các thị trường như GlobalGAP hay ACC, ASC....
  - Chú trọng việc nghiên cứu giống nuôi thích nghi với việc môi trường Đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị xâm nhập mặn, nước biển dâng trong tương lai.
  - Đầu tư mạnh vào việc cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cùng với việc chú trọng nâng cao năng lực của nguồn nhân lực.
  - Giữ vững hình ảnh về sản phẩm, về Công ty và tiếp tục công tác quảng bá hình ảnh, marketing, tìm kiếm khách hàng mới nhằm mở rộng thị trường.
  - Hướng tới một chu trình sản xuất khép kín từ vùng nuôi nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu cá các loại, cộng thêm các sản phẩm giá trị gia tăng, chế biến phụ phẩm, đóng gói bao bì, kho dự trữ, vận chuyển, bán hàng. Hiện nay, các doanh nghiệp đã tận dụng tốt phụ phẩm, ví dụ bong bóng hay bao tử cá tra được chế biến để bán cho nhà hàng, máu cá làm thành thức ăn chăn nuôi, mỡ cá thành dầu bio-diesel, da cá có thể chế biến thành collagen. Tuy nhiên,

chủng loại sản phẩm vẫn khá nghèo nàn. Có thể nói, tới 95% cá tra đang được bán dưới dạng phi lê đông lạnh, chỉ khác nhau về mức độ xử lý, thực chất vẫn là sản phẩm dạng nguyên liệu.

## 10. Chính sách đối với người lao động

### 10.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm hiện tại là **1.871 người**.

**Bảng 16. Cơ cấu lao động**

| Phân theo trình độ        | Số lượng | (%) |
|---------------------------|----------|-----|
| - Đại học và trên đại học | 74       | 04  |
| - Cao đẳng, trung cấp     | 37       | 02  |
| - Lao động khác           | 1.760    | 94  |
| <b>Phân theo đơn vị</b>   |          |     |
| - Lao động gián tiếp      | 130      | 07  |
| - Lao động trực tiếp      | 1.741    | 93  |

Nguồn: Anvifish

### 10.2 Chính sách đối với người lao động

#### a. Chính sách nhân sự chung:

- Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

#### b. Chính sách tiền lương:

- Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Tiền lương đang áp dụng theo 2 hình thức trả lương:
  - Đối với khối gián tiếp, phục vụ trả lương theo định mức do Hội đồng lương xây dựng và trình Tổng Giám đốc quyết định.
  - Đối với công nhân trực tiếp sản xuất trả lương theo khoán theo kết quả khối lượng công việc được giao.

#### c. Chính sách thưởng:

- Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

#### d. Chương trình tuyển dụng và đào tạo:

- Chính sách tuyển dụng: công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn



bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt như HACCP, ISO...

e. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

- Bên cạnh việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan nghỉ dưỡng học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức và sự hiểu biết. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỉ.
- Công ty thực hiện trợ cấp nhà trọ, đủ công, thường năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho công nhân.
- Công ty quan tâm đến môi trường làm việc và cảnh quan môi trường cơ sở sản xuất. Điều kiện nơi làm việc tại phân xưởng được nâng cấp hàng năm, xung quanh nhà xưởng nhà làm việc đều có cây xanh, cây cảnh để cải thiện không gian làm việc cho Công ty.
- Anvifish còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Trung bình mỗi năm Công ty đóng góp khoảng 1-2 tỷ đồng cho việc phát triển cộng đồng.

## 11. Chính sách cổ tức

- Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
  - Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
  - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 17. Tình hình chi trả cổ tức 2007 – 2012**

*Đvt: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                   | 2007   | 2008   | 2009   | 2010   | 2011   | 2012(*) |
|----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Cổ tức bằng tiền mặt       | 14.181 | 13.698 | 16.000 | 22.500 | 33.750 | 27.960  |
| Cổ tức bằng cổ phiếu       | -      | -      | 70.000 | 75.000 | -      | -       |
| Cổ tức /Vốn điều lệ        | 17,55% | 14%    | 86%    | 65%    | 15%    | 10%     |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 74%    | 188%   | 115%   | 120%   | 54,99% | 86,53%  |

*Nguồn: Anvifish*

(\*) Ngày 24/05/2013, ĐHCĐ thường niên đã thông qua việc chia cổ tức năm 2012 là 10% tiền mặt

## 12. Tình hình tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

### 12.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

#### a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh



**Bảng 18. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh qua các năm**

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu                 | 31/12/2011       | 31/12/2012       | 30/09/2013       |
|--------------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | <b>390.028</b>   | <b>439.121</b>   | <b>458.799</b>   |
| Vốn điều lệ              | 225.000          | 279.600          | 279.600          |
| Thặng dư vốn cổ phần     | 75.000           | 75.000           | 75.000           |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 85.599           | 77.249           | 96.927           |
| Quỹ dự phòng tài chính   | -                | 2.843            | 2.843            |
| Quỹ khác thuộc VCSH      | 4.429            | 4.429            | 4.429            |
| <b>Nợ phải trả</b>       | <b>1.500.889</b> | <b>1.220.740</b> | <b>1.192.379</b> |
| Nợ ngắn hạn              | 1.491.038        | 1.218.237        | 1.186.325        |
| Nợ dài hạn               | 9.851            | 2.503            | 6.054            |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>1.890.917</b> | <b>1.659.861</b> | <b>1.651.178</b> |

Nguồn: BCKT năm 2011, năm 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

Trong năm 2012 Công ty đã chào bán ra công chúng 5.460.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 225 tỷ đồng lên 279,6 tỷ đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán (54,6 tỷ đồng) được sử dụng chi trả cho chi phí nuôi của hai vùng nuôi Phú Thuận và Bình Thạnh.

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/9/2013 của Công ty là 1.651.178 triệu đồng. Toàn bộ nguồn vốn này được Công ty sử dụng để mua sắm tài sản cố định và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất chế biến cá và phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu.

**b. Trích khấu hao TSCĐ**

- TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.
- Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:
  - Nhà cửa và vật kiến trúc : 8 - 20 năm
  - Máy móc, Thiết bị : 5 - 10 năm
  - Thiết bị văn phòng : 5 năm
  - Phương tiện vận tải : 10 năm

**c. Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2012 là 4.000.000 đồng/người/tháng và ở mức trung bình khá so với các doanh nghiệp cùng ngành.

**d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

**e. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của nhà nước.

**f. Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

**Bảng 19. Trích lập các quỹ qua các năm**

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu                 | 31/12/2011     | 31/12/2012     | 30/09/2013     |
|--------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Vốn điều lệ              | 225.000        | 279.600        | 279.600        |
| Thặng dư vốn cổ phần     | 75.000         | 75.000         | 75.000         |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 85.599         | 77.249         | 96.927         |
| Quỹ dự phòng tài chính   | -              | 2.843          | 2.843          |
| Quỹ khác thuộc VCSH      | 4.429          | 4.429          | 4.429          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>390.028</b> | <b>439.121</b> | <b>458.799</b> |

Nguồn: BCKT năm 2011, năm 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

g. Tổng dư nợ vay**Bảng 20. Tình hình tổng dư nợ vay của Công ty**

Đvt: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                | 31/12/2011       | 31/12/2012       | 30/09/2013       |
|-----------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| - Vay ngắn hạn                          | 785.959          | 802.972          | 977.010          |
| - Vay chiết khấu                        | 464.508          | 249.722          | 75.885           |
| - Vay dài hạn đến hạn trả               | 10.592           | 11.255           | 3.658            |
| - Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả | 4.121            | 848              | 706              |
| <b>Tổng nợ vay ngắn hạn</b>             | <b>1.265.180</b> | <b>1.064.847</b> | <b>1.057.259</b> |
| - Vay dài hạn                           | 19.748           | 11.655           | 8.003            |
| - Nợ thuê tài chính dài hạn             | 4.668            | 2.951            | 2.386            |
| - Vay dài hạn đến hạn trả               | (10.592)         | (11.255)         | (3.658)          |
| - Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả | (4.121)          | (848)            | (706)            |
| <b>Tổng nợ vay dài hạn</b>              | <b>9.703</b>     | <b>2.503</b>     | <b>6.054</b>     |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

**Bảng 21. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ở thời điểm 30/09/2013**

Đvt: triệu đồng

| Khoản mục                                  | Số tiền          | Lãi suất | Kỳ hạn trả nợ<br>(kể từ khi nhận nợ) | Số lượng<br>Hợp đồng<br>tín dụng |
|--------------------------------------------|------------------|----------|--------------------------------------|----------------------------------|
| - Vay ngắn hạn VND                         | 779.090          | 7.75-10% | 6-8 tháng                            | 111                              |
| - Vay ngắn hạn USD                         | 197.920          | 4,8-6%   | 6 tháng                              | 33                               |
| - Vay chiết khấu USD                       | 75.885           | 4,8-6,0% | 4 tháng                              | 74                               |
| <b>Tổng vay ngắn hạn và vay chiết khấu</b> | <b>1.052.895</b> |          |                                      |                                  |

(Nguồn: Anvifish)

❖ **Thuyết minh các khoản vay nợ ngắn hạn:**

- Mục đích các khoản vay ngắn hạn là nhằm tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất chế biến cá và phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu.
- Hằng năm, Công ty sẽ được các ngân hàng cấp một hạn mức tín dụng nhất định cho các khoản vay ngắn hạn. Theo đó, trong năm, tùy theo nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn tại từng thời điểm mà Công ty sẽ được các ngân hàng giải ngân tài trợ theo từng đơn hàng, nhưng tổng dư nợ vay ngắn hạn không được vượt quá hạn mức tín dụng mà ngân hàng đã cấp. Công ty có quyền lựa chọn giải ngân bằng VND hoặc bằng USD theo nhu cầu của Công ty. Công ty có thể trả nợ cho ngân hàng trước kỳ hạn nợ, khi mà Công ty thu được tiền bán hàng từ khách hàng. Do đó, thời điểm vay nợ và trả nợ diễn ra thường xuyên, liên tục, và trải đều chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Kỳ hạn nợ: đối với hoạt động chế biến là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ; hoạt động nuôi trồng là 8 tháng,; Riêng chiết khấu bằng USD cũng được tính vào hạn mức tín dụng, được thực hiện khi Công ty đã bán hàng nhưng khách hàng chưa trả tiền thì Công ty có thể đem bộ chứng từ bán hàng đến ngân hàng để vay vốn, và khoản vay sẽ tự tắt toán khi tiền khách hàng về đến tài khoản, thời hạn vay của các khoản vay chiết khấu là 4 tháng.
- Mức lãi suất được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ.
- Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất nhập khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản khác.
- Theo như Bảng 21 trình bày thì tính đến thời điểm 30/09/2013, tổng dư nợ vay ngắn hạn là hơn 1.052 tỷ đồng. Trong đó:
  - Tổng vay ngắn hạn bằng VND là hơn 779 tỷ đồng với 111 hợp đồng tín dụng, với lãi suất từ 7.75% đến 10%/năm và kỳ hạn trả nợ từ 6 đến 8 tháng kể từ khi nhận nợ.
  - Tổng vay ngắn hạn bằng USD là hơn 197 tỷ đồng với 33 hợp đồng tín dụng, với lãi suất 4.8%/năm đến 6.0%/năm, và kỳ hạn trả nợ là 4 -6 tháng kể từ khi nhận nợ.
  - Tổng vay USD ngắn hạn bằng hình thức chiết khấu bộ chứng từ là hơn 75 tỷ đồng, với 74 hợp đồng tín dụng, với lãi suất từ 4.8%/năm đến 6%/năm, và kỳ hạn trả nợ là 4 - 6 tháng kể từ khi nhận nợ.

❖ **Thuyết minh vay nợ dài hạn:**

- Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm:
  - Vay dài hạn với Vietcombank gồm 02 khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 1,2 tỷ đồng và 34 tỷ đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 1% đến 1,2% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 3/2012 đến tháng 12/2014 cho khoản vay hạn mức 1,2 tỷ đồng, và từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2014 cho khoản vay còn lại.
  - Vay dài hạn với Agribank có hạn mức tín dụng là 3 tỷ đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần, bắt đầu từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2013.
- Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty cho thuê tài chính của Vietcombank để thuê một số phương tiện vận tải và máy móc thiết bị. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là 60 tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

h. Tình hình công nợ hiện nay**Bảng 22. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn qua các năm**

Đvt: triệu đồng

| Chi tiêu                           | 31/12/2011     | 31/12/2012     | 30/09/2013     |
|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Phải thu khách hàng                | 668.212        | 484.970        | 315.136        |
| Trả trước cho người bán            | 143.618        | 192.780        | 219.858        |
| Các khoản phải thu khác            | 70.414         | 83.552         | 93.326         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (24.169)       | (43.956)       | (43.956)       |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>858.075</b> | <b>717.345</b> | <b>584.364</b> |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

**Bảng 23. Chi tiết các khoản phải trả qua các năm**

Đvt: triệu đồng

| Chi tiêu                            | 31/12/2011       | 31/12/2012       | 30/09/2013       |
|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>         | <b>1.491.038</b> | <b>1.218.237</b> | <b>1.186.324</b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                  | 1.265.182        | 1.064.848        | 1.057.260        |
| Phải trả người bán                  | 121.779          | 76.440           | 66.758           |
| Người mua trả tiền trước            | 64.556           | 46.083           | 35.546           |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 7.218            | 3.192            | 4.728            |
| Phải trả CBCNV                      | 16.179           | 7.329            | 5.646            |
| Chi phí phải trả                    | 5.330            | 3.906            | -                |
| Các khoản phải trả phải nộp khác    | 6.747            | 9.716            | 9.664            |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 4.048            | 6.722            | 6.722            |
| <b>Nợ phải trả dài hạn</b>          | <b>9.851</b>     | <b>2.503</b>     | <b>6.054</b>     |
| Vay và nợ dài hạn                   | 9.702            | 2.503            | 6.054            |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả     | -                | -                | -                |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm       | 149              | -                | -                |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>1.500.889</b> | <b>1.220.740</b> | <b>1.192.378</b> |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 24. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty từ năm 2011 đến Q3/2013**

| Chi tiêu                                  | Đơn vị tính | 2011 | 2012 | 9 tháng 2013 |
|-------------------------------------------|-------------|------|------|--------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |             |      |      |              |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:              | Lần         | 1,09 | 1,09 | 1,10         |

| Chỉ tiêu                                                  | Đơn vị<br>tính | 2011   | 2012  | 9 tháng<br>2013 |
|-----------------------------------------------------------|----------------|--------|-------|-----------------|
| ( TSLĐ/Nợ ngắn hạn )                                      |                |        |       |                 |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                 | Lần            | 0,78   | 0,66  | 0,60            |
| ( (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn )                     |                |        |       |                 |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                          |                |        |       |                 |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | Lần            | 0,79   | 0,74  | 0,72            |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | Lần            | 3,85   | 2,78  | 2,60            |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                  |                |        |       |                 |
| + Hệ số vòng quay hàng tồn kho:                           | Vòng           | 4,02   | 3,24  | 1,82            |
| ( Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân )               |                |        |       |                 |
| + Hệ số Vòng quay tổng tài sản:                           | Vòng           | 0,99   | 1,13  | 0,72            |
| ( Doanh thu thuần/Tổng tài sản )                          |                |        |       |                 |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                   |                |        |       |                 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | %              | 3,29%  | 1,73% | 1,71%           |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | %              | 3,25%  | 1,95% | 1,23%           |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu           | %              | 15,74% | 7,36% | 4,43%           |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %              | 3,41%  | 2,06% | 1,96%           |
| + Thu nhập trên cổ phần (EPS)                             | Đ/cp           | 2.527  | 1.346 | 726             |

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC Q3/2013 của CTCP Việt An

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính năm 2012 có xu hướng bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế và môi trường kinh doanh năm 2012 khó khăn hơn 2011.

Trong năm 2012, Công ty có tiến hành tăng vốn điều lệ nên tỷ lệ nợ có cải thiện. Cụ thể, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu giảm từ 3,85 lần năm 2011 xuống còn 2,78 lần năm 2012.

Bên cạnh đó, khả năng thanh toán vẫn được duy trì. Ngoài ra, có thể thấy vòng quay hàng tồn kho chậm hơn so với cùng kỳ (năm 2012 còn 3,24 lần so với 4,02 lần năm 2011).

Sự sụt giảm của các chỉ số năng lực hoạt động đã kéo theo sự sụt giảm của khả năng sinh lời. Cụ thể, đến năm 2012 thì lợi nhuận biên chỉ còn khoảng 1,73%, ROA còn 1,95% và ROE còn 7,36%, EPS còn 1.346 đồng/cổ phần.

### 13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

**Bảng 25. Các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2 (2011-2016) và Ban điều hành**

| <u>Hội đồng quản trị</u>                             |                        | <u>SLCP</u> | <u>%</u> |
|------------------------------------------------------|------------------------|-------------|----------|
| 1 Ông Lưu Bách Thảo                                  | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD | 3.000.000   | 10,73    |
| 2 Ông Daniel Yet<br>(Đại diện Far East Ventures LLC) | Phó Chủ tịch HĐQT      | 2.400.000   | 8,58     |
| 3 Bà Nguyễn Thị Thanh Giang                          | Thành viên HĐQT        | 508.045     | 1,82     |

|                             |                         |                              |         |       |
|-----------------------------|-------------------------|------------------------------|---------|-------|
| 4                           | Bà Lê Thị Lại (1)       | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 658.436 | 2,35  |
| 5                           | Bà Lê Thị Lệ Thủy       | Thành viên HĐQT              | 423.375 | 1,51  |
| 6                           | Bà Phùng Hoàng Trâm Anh | Thành viên HĐQT              | 383.700 | 1,37  |
| 7                           | Ông Nguyễn Quốc Tín     | Thành viên HĐQT              | -       | -     |
| <b><u>Ban kiểm soát</u></b> |                         |                              |         |       |
| 1                           | Ông Trương Thanh Long   | Trưởng BKS                   | 14.400  | 0,05  |
| 2                           | Bà Mai Trúc Thanh (2)   | Thành viên BKS               | -       | -     |
| 3                           | Ông Nguyễn Sơn Lâm      | Thành viên BKS               | 5.400   | 0,02  |
| <b><u>Ban Điều hành</u></b> |                         |                              |         |       |
| 1                           | Ông Trương Minh Giàu    | Phó TGD                      | 14.400  | 0,05  |
| 2                           | Ông Trần Lê Đức Thịnh   | Phó TGD                      | 23.400  | 0,08  |
| 3                           | Ông Ngô Văn Thu         | Phó TGD                      | 15.300  | 0,05  |
| 4                           | Bà Trần Thị Trang (3)   | Phó TGD                      | 9.000   | 0,003 |
| 5                           | Bà Nguyễn Thị Huyền     | Kế toán trưởng               | 15.300  | 0,05  |

Ghi chú: Số lượng cổ phần theo thống kê của Anvifish tính đến ngày 26/03/2013.

(1) Kể từ ngày 3/6/2013, Bà Lê Thị Lại đồng thời từ nhiệm 2 vị trí Phó Tổng giám đốc và thành viên HĐQT.

(2) Trong ĐHCĐ thường niên năm 2013, tổ chức vào ngày 24/05/2013, Bà Mai Trúc Thanh đã trúng cử làm Thành viên Ban kiểm soát, thay thế Ông Nguyễn Tấn Sơn nộp đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

(3) Kể từ ngày 3/6/2013, HĐQT bổ nhiệm có thời hạn Bà Trần Thị Trang chức danh Phó TGD phụ trách sản xuất.

13.1 **Hội đồng Quản trị**a. Chủ tịch HĐQT – Ông Lưu Bách Thảo

- ❖ Họ và Tên : **LƯU BÁCH THẢO**
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 25/11/1964
- ❖ Nơi sinh : An Giang
- ❖ Quốc tịch : Việt Nam
- ❖ Dân tộc : Kinh
- ❖ Số CMND : 350354828
- ❖ Ngày cấp: 01/06/2000
- ❖ Nơi cấp: CA An Giang
- ❖ Quê quán : An Giang
- ❖ Địa chỉ thường trú : Số 09 Nguyễn An Ninh, Phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.
- ❖ Số điện thoại liên lạc : (076) 3932258
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
- ❖ Quá trình công tác :
  - Năm 1993 - năm 2000 : Giám đốc Doanh Nghiệp Tư Nhân Bách Thảo.
  - Năm 2000 – tháng 07/2004 : Giám đốc Công Ty TNHH Xây Dựng Giao Thông Công Chánh Bách Thảo.
  - Tháng 07/2004 – 02/2007 : Giám đốc Công Ty TNHH Việt An
  - Tháng 02/2007 - đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt An.
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Việt An.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : TV HĐQT Công Ty Cổ Phần Rau quả Thực phẩm An Giang
- ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ : 3.000.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân : 3.000.000 cổ phần
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : Không

| Họ tên              | Mối Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ |
|---------------------|-------------|--------------------|
| Lưu Thị Phương Thảo | Em ruột     | 10.161             |
| Lưu Hiếu Thảo       | Em ruột     | 20.322             |
| Lưu Thị Duyên Thảo  | Em ruột     | 10.161             |
| Lưu Thị Thương Thảo | Em ruột     | 11.431             |
| Lưu Thuận Thảo      | Em ruột     | 5.400              |

**b. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Daniel Yet (Diệp Vĩnh Xuân)**

|                                               |   |                                                                |
|-----------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên                                      | : | <b>DANIEL YET</b>                                              |
| ❖ Giới tính                                   | : | Nam                                                            |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                         | : | 08/10/1952                                                     |
| ❖ Nơi sinh                                    | : | Rạch Giá – Kiên Giang                                          |
| ❖ Quốc tịch                                   | : | USA                                                            |
| ❖ Dân tộc                                     | : | Kinh                                                           |
|                                               |   | 58644907                                                       |
| ❖ Số CMND (passport)                          | : | Ngày cấp: 27/10/2006<br>Nơi cấp: USA                           |
| ❖ Quê quán                                    | : | Kiên Giang                                                     |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | 1723 Berna St S.C CA 95050 USA                                 |
| ❖ Số điện thoại liên lạc                      | : | -                                                              |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                                          |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Đại học Quản Trị Kinh doanh                                    |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                                |
| - Từ 1983 – đến nay                           | : | Tổng Giám đốc D&T Foods Corp và Far East Ventures LLC USA      |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Việt An         |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Tổng Giám đốc D&T Foods Corp – Mỹ và Far East Ventures LLC USA |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 2.400.000 cổ phần                                              |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 2.400.000 cổ phần<br>(Đại diện cho Far East Ventures LLC USA)  |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 0 cổ phần                                                      |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                          |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                          |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                          |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                                      |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                                          |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                                          |

**c. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Thanh Giang**

|                       |   |                                                  |
|-----------------------|---|--------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên              | : | <b>NGUYỄN THỊ THANH GIANG</b>                    |
| ❖ Giới tính           | : | Nữ                                               |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | : | 01/02/1954                                       |
| ❖ Nơi sinh            | : | An Giang                                         |
| ❖ Quốc tịch           | : | Việt Nam                                         |
| ❖ Dân tộc             | : | Kinh                                             |
|                       |   | 351962099                                        |
| ❖ Số CMND (passport)  | : | Ngày cấp: 28/12/2005<br>Nơi cấp: An Giang        |
| ❖ Quê quán            | : | An Giang                                         |
| ❖ Địa chỉ thường trú  | : | 9 Lý Thái Tổ, P.Đông Xuyên, Long Xuyên, An Giang |



|                                               |   |                                                              |
|-----------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------|
| ❖ Số điện thoại liên lạc                      | : | -                                                            |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                                        |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Đại học Kinh tế                                              |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                              |
| - Từ 1977 – 2009                              | : | Công tác ở các cơ quan Đảng đoàn thể và chính quyền Nhà nước |
| - Từ 2009 – nay                               | : | Nghỉ hưu                                                     |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Thành viên HĐQT CTCP Việt An                                 |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                                     |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 508.045 cổ phần                                              |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                                    |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 508.045 cổ phần                                              |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                        |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                        |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                        |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                                    |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                                        |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Nguyễn Trọng Nghĩa (con ruột): 5 cổ phần                     |

*d. Thành viên HĐQT – Bà Lê Thị Lê Thủy*

|                                               |   |                                                      |
|-----------------------------------------------|---|------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên                                      | : | <b>LÊ THỊ LÊ THỦY</b>                                |
| ❖ Giới tính                                   | : | Nữ                                                   |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                         | : | 28/09/1955                                           |
| ❖ Nơi sinh                                    | : | Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang                    |
| ❖ Quốc tịch                                   | : | Việt Nam                                             |
| ❖ Dân tộc                                     | : | Kinh                                                 |
|                                               | : | 350011258;                                           |
| ❖ Số CMND                                     | : | Ngày cấp: 07/03/2000<br>Nơi cấp: CA An Giang         |
| ❖ Quê quán                                    | : | Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang                    |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | 13 Lý Tự Trọng, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang |
| ❖ Số điện thoại liên lạc                      | : | (076) 3846331                                        |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                                |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | -                                                    |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                      |
| - Từ 1976 – 2000                              | : | Kế toán Công ty Công nghệ phẩm tỉnh An Giang         |
| - Từ 2000 – nay                               | : | Buôn bán tại tỉnh An Giang                           |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Thành viên HĐQT                                      |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                             |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 423.375 cổ phần                                      |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                            |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 423.375 cổ phần                                      |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                |

- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : Không

**e. Thành viên HĐQT – Bà Phùng Hoàng Trâm Anh**

- ❖ Họ tên : **PHÙNG HOÀNG TRÂM ANH**
- ❖ Giới tính : Nữ
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 11/10/1968
- ❖ Nơi sinh : Đà Lạt, Lâm Đồng
- ❖ Quốc tịch : Việt Nam
- ❖ Dân tộc : Kinh
- ❖ Số CMND : 23325375
- ❖ Ngày cấp: 18/08/1995
- ❖ Nơi cấp: CA TPHCM
- ❖ Quê quán : Đà Lạt, Lâm Đồng
- ❖ Địa chỉ thường trú : 298/7, Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- ❖ Số điện thoại liên lạc : (08) 38983602
- ❖ Trình độ văn hoá : Đại học
- ❖ Trình độ chuyên môn : Đại học Sư phạm, Tiếng Anh, Ngành hóa
- ❖ Quá trình công tác :
  - Từ 1991-1992 : Giáo viên Trường THPT Nguyễn Du, Đà Lạt
  - Từ 1992-1995 : Giáo viên Trường Collete, TP. HCM
  - Từ 2002-nay : Giáo viên Trường THCS Lương Thế Vinh, TPHCM
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ : 383.700 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân : 383.700 cổ phần
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : Không

**f. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Quốc Tín**

- ❖ Họ tên : **NGUYỄN QUỐC TÍN**
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 13/12/1977
- ❖ Nơi sinh : Hà Nội
- ❖ Quốc tịch : Việt Nam
- ❖ Dân tộc : Kinh
- ❖ Số CMND : 012366957
- ❖ Ngày cấp: 25/08/2000

|                                               |                                           |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                               | Nơi cấp: Hà Nội                           |
| ❖ Quê quán                                    | : Gia Lâm, Hà Nội                         |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : Số 95 Phan Văn Trị,, Q. Gò Vấp, TP. HCM |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : 12/12                                   |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : Thạc sỹ quản trị kinh doanh             |
| ❖ Quá trình công tác                          | :                                         |
| - Từ 2001-2002                                | : Thời báo Kinh tế Việt Nam               |
| - Từ 2002-2003                                | : Cao học quản trị kinh doanh tại Úc      |
| - Từ 2003-2005                                | : Công ty kiểm toán Waterdali tại Úc      |
| - Từ 2005-2007                                | : CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)          |
| - Từ 2007-2008                                | : CTCP Chứng khoán Vndirect (VNDS)        |
| - Từ 2008-2009                                | : Công ty vận tải VSP                     |
| - Từ 2009-nay                                 | : Công ty Chứng khoán BIDV                |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : Thành viên HĐQT của CTCP Việt An        |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | :                                         |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : 0 cổ phần                               |
| - Đại diện sở hữu                             | 0 cổ phần                                 |
| - Sở hữu cá nhân                              | 0 cổ phần                                 |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : Không                                   |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : Không                                   |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : Không                                   |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ               |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : Không                                   |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : Không                                   |

### 13.2 Ban Kiểm soát

#### a. Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Trương Thanh Long

|                       |                                                                                     |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên              | : <b>TRƯƠNG THANH LONG</b>                                                          |
| ❖ Giới tính           | : Nam                                                                               |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | : 26/03/1950                                                                        |
| ❖ Nơi sinh            | : An Giang                                                                          |
| ❖ Quốc tịch           | : Việt Nam                                                                          |
| ❖ Dân tộc             | : Kinh                                                                              |
|                       | 350578193                                                                           |
| ❖ Số CMND             | : Ngày cấp: 02/03/2005                                                              |
|                       | Nơi cấp: An Giang                                                                   |
| ❖ Quê quán            | : An Giang                                                                          |
| ❖ Địa chỉ thường trú  | : Khóm 2, Thị Trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang                            |
| ❖ Trình độ văn hoá    | : 12/12                                                                             |
| ❖ Trình độ chuyên môn | : Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh                                                       |
|                       | Trung cấp Kế toán                                                                   |
| ❖ Quá trình công tác  | :                                                                                   |
| - 1989-1995           | : Kế toán trưởng Xí Nghiệp Giao Thông Vận Tải Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang          |
| - 1995-1998           | : Đội trưởng Đội Khai Thác đá Công ty Công trình Giao Thông, Sở Giao Thông An Giang |

|                                               |   |                                                                           |
|-----------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------|
| - 1998-2004                                   | : | Trưởng phòng kế hoạch Công ty Tư Nhân Thanh Hiền, Huyện Tri Tôn, An Giang |
| - 2005 – 2007                                 | : | Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Việt An                       |
| - 2007 - 2009                                 | : | Kế toán trưởng                                                            |
| - 2009 - 2011                                 | : | Chuyên viên                                                               |
| - 2012 - nay                                  | : | Trưởng Ban kiểm soát                                                      |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Trưởng Ban kiểm soát                                                      |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                                                  |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 14.400 cổ phần                                                            |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                                                 |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 14.400 cổ phần                                                            |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                                     |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                                     |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                                     |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                                                 |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                                                     |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                                                     |

**b. Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Mai Trúc Thanh**

|                                               |   |                                                                                |
|-----------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên                                      | : | <b>MAI TRÚC THANH</b>                                                          |
| ❖ Giới tính                                   | : | Nữ                                                                             |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                         | : | 05/09/1984                                                                     |
| ❖ Nơi sinh                                    | : | Mỹ Thạnh, Long Xuyên, An Giang                                                 |
| ❖ Quốc tịch                                   | : | Việt Nam                                                                       |
| ❖ Dân tộc                                     | : | Kinh                                                                           |
| ❖ Số CMND                                     | : | 351 527 415                                                                    |
| ❖ Quê quán                                    | : | Long Xuyên, An Giang                                                           |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | 4/4 Khóm Hòa Thạnh, Phường Mỹ Thạnh, Long Xuyên, An Giang                      |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | Đại học                                                                        |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Cử nhân tin học                                                                |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                                                |
| - 07/2003 – 08/2007                           | : | Sinh viên trường Đại học An Giang                                              |
| - 01/2008 – nay                               | : | Nhân viên Công ty cổ phần Việt An                                              |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Việt An |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                                                       |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 0 cổ phần                                                                      |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                                                      |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 0 cổ phần                                                                      |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                                          |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                                          |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                                          |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                                                      |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                                                          |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                                                          |

c. Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Sơn Lâm

|                                               |   |                                                  |
|-----------------------------------------------|---|--------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên                                      | : | <b>NGUYỄN SƠN LÂM</b>                            |
| ❖ Giới tính                                   | : | Nam                                              |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                         | : | 30/07/1977                                       |
| ❖ Nơi sinh                                    | : | An Giang                                         |
| ❖ Quốc tịch                                   | : | Việt Nam                                         |
| ❖ Dân tộc                                     | : | Kinh                                             |
|                                               |   | 351203415                                        |
| ❖ Số CMND                                     | : | Ngày cấp: 16/07/2008<br>Nơi cấp: An Giang        |
| ❖ Quê quán                                    | : | Bình Khánh 5, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | Bình Khánh 5, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                            |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Cử nhân tin học                                  |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                  |
| - Năm 2006 đến 2007                           | : | Nhân viên – Công ty CP Việt An.                  |
| - Năm 2007 đến 2011                           | : | Nhân viên – Công ty CP Việt An                   |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Thành viên Ban kiểm soát                         |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                         |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 5.400 cổ phần                                    |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                        |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 5.400 cổ phần                                    |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                            |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                            |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                            |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                        |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                            |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                            |

13.3 **Ban Tổng Giám đốc**

a. Tổng Giám đốc - Ông Lưu Bách Thảo:

Xem lý lịch phần 13.1.a, Hội đồng quản trị

b. Phó Tổng Giám đốc - Ông Trương Minh Giàu

|                       |   |                                           |
|-----------------------|---|-------------------------------------------|
| ❖ Họ tên              | : | <b>TRƯƠNG MINH GIÀU</b>                   |
| ❖ Giới tính           | : | Nam                                       |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | : | 10/02/1969                                |
| ❖ Nơi sinh            | : | Xã Long Sơn, Huyện Phú Tân, An Giang      |
| ❖ Quốc tịch           | : | Việt Nam                                  |
| ❖ Dân tộc             | : | Kinh                                      |
|                       |   | 350 827 745                               |
| ❖ Số CMND             | : | Ngày cấp: 23/04/2007<br>Nơi cấp: An Giang |
| ❖ Quê quán            | : | Xã Long Sơn, Huyện Phú Tân, An Giang      |

|                                               |   |                                                           |
|-----------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------|
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | 93D Phó Đức Chính, P. Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang |
| ❖ Số điện thoại liên lạc                      | : | 0913 762 173                                              |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                                     |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Cử nhân Quản trị Kinh doanh                               |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                                           |
| - Từ năm 1990 - 2004                          | : | Làm việc tại Công ty AGIFISH                              |
| - Từ năm 2005                                 | : | Làm việc tại Công ty CP Việt An                           |
| - 01/7/2009 - nay                             | : | Làm việc tại Công ty CP Việt An                           |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Phó Tổng Giám đốc Công ty                                 |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không có                                                  |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 14.400 cổ phần                                            |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                                                 |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 14.400 cổ phần                                            |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                                     |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                                     |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                                     |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ                                 |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                                     |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                                     |

c. Phó Tổng Giám đốc – Ông Trần Lê Đức Thịnh

|                                           |   |                                                                              |
|-------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên                                  | : | <b>TRẦN LÊ ĐỨC THỊNH</b>                                                     |
| ❖ Giới tính                               | : | Nam                                                                          |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                     | : | 09/06/1970                                                                   |
| ❖ Nơi sinh                                | : | An Giang                                                                     |
| ❖ Quốc tịch                               | : | Việt Nam                                                                     |
| ❖ Dân tộc                                 | : | Kinh                                                                         |
| ❖ Số CMND                                 | : | 352052872                                                                    |
|                                           | : | Ngày cấp: 13/03/2007                                                         |
|                                           | : | Nơi cấp: Công an Tỉnh An Giang.                                              |
| ❖ Quê quán                                | : | Lấp Vò – Đồng Tháp                                                           |
| ❖ Địa chỉ thường trú                      | : | Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.                |
| ❖ Trình độ văn hoá                        | : | 12/12                                                                        |
| ❖ Trình độ chuyên môn                     | : | Cử nhân Kinh tế, ThS Quản trị Kinh doanh                                     |
| ❖ Quá trình công tác                      | : |                                                                              |
| - Từ 1997-2008                            | : | Từ 1997 – 2008 công tác Công ty Phà An Giang, chức vụ trưởng phòng Kế hoạch. |
| - 04/2008-31/12/2009                      | : | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng An Giang.        |
| - Từ 01/01/ 2010 - nay                    | : | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Việt An.                                   |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay               | : | Phó Tổng Giám đốc                                                            |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | : | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng An Giang.          |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ             | : | 23.400 cổ phần                                                               |
| - Đại diện sở hữu                         | : | 0 cổ phần                                                                    |

- Sở hữu cá nhân 23.400 cổ phần
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác Không
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan : Không

*d. Phó Tổng Giám đốc - Ông Ngô Văn Thu*

- ❖ Họ tên : **NGÔ VĂN THU**
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 06/05/1971
- ❖ Nơi sinh : Bà Rịa Vũng Tàu
- ❖ Quốc tịch : Việt Nam
- ❖ Dân tộc : Kinh
- ❖ Số CMND : 271057810
- ❖ Ngày cấp: 13/06/2005
- ❖ Nơi cấp: Công An Bà Rịa Vũng Tàu.
- ❖ Quê quán : Bà Rịa Vũng Tàu
- ❖ Địa chỉ thường trú : 274 Võ Thị Sáu, Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu
- ❖ Số điện thoại liên lạc : 0918145678
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Đại Học Ngân Hàng
- ❖ Quá trình công tác :
  - 1994 - 2002 : Công tác tại NHNo & PTNT Bà Rịa Vũng Tàu
  - 2002 - 2007 : Công tác tại CTy TNHH XDGTCC Bách Thảo
  - 2007 đến nay : Công tác tại Công Ty Cổ Phần Việt An.
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Việt An
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ : 15.300 cổ phần
  - Đại diện sở hữu cổ phần
  - Sở hữu cá nhân 15.300 cổ phần
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác Không
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên              | Mối Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ |
|---------------------|-------------|--------------------|
| Lưu Thị Thương Thảo | Vợ          | 11.431             |

*e. Phó Tổng Giám đốc – Bà Trần Thị Trang*

- ❖ Họ tên : **TRẦN THỊ TRANG**

|                                               |   |                                       |
|-----------------------------------------------|---|---------------------------------------|
| ❖ Giới tính                                   | : | Nữ                                    |
| ❖ Ngày tháng năm sinh                         | : | 09/09/1970                            |
| ❖ Nơi sinh                                    | : | Vĩnh Hưng, Bạc Liêu                   |
| ❖ Quốc tịch                                   | : | Việt Nam                              |
| ❖ Dân tộc                                     | : | Kinh                                  |
|                                               |   | 351 945 555                           |
| ❖ Số CMND                                     | : | Ngày cấp: 31/10/2012                  |
|                                               |   | Nơi cấp: An Giang                     |
| ❖ Quê quán                                    | : | Long Thạnh, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu        |
| ❖ Địa chỉ thường trú                          | : | Mỹ Hòa, Long Xuyên, An Giang          |
| ❖ Trình độ văn hoá                            | : | 12/12                                 |
| ❖ Trình độ chuyên môn                         | : | Trung cấp Công nghệ chế biến thủy sản |
| ❖ Quá trình công tác                          | : |                                       |
| - 2004 – 2009                                 | : | Công ty cổ phần Việt An               |
| - 01/07/2009 - nay                            | : | Công ty cổ phần Việt An               |
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay                   | : | Phó Tổng Giám đốc                     |
| ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác     | : | Không                                 |
| ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ                 | : | 9.000 cổ phần                         |
| - Đại diện sở hữu                             | : | 0 cổ phần                             |
| - Sở hữu cá nhân                              | : | 9.000 cổ phần                         |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác | : | Không                                 |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật                   | : | Không                                 |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty                | : | Không                                 |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác           | : | Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ             |
| ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty         | : | Không                                 |
| ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan    | : | Không                                 |

#### 13.4 **Kế toán trưởng – Bà Nguyễn Thị Huyền**

|                       |   |                                                             |
|-----------------------|---|-------------------------------------------------------------|
| ❖ Họ tên              | : | <b>NGUYỄN THỊ HUYỀN</b>                                     |
| ❖ Giới tính           | : | Nữ                                                          |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | : | 23/11/1963                                                  |
| ❖ Nơi sinh            | : | Nghĩa Thành-Nghĩa Hưng-Hà Nam Ninh                          |
| ❖ Quốc tịch           | : | Việt Nam                                                    |
| ❖ Dân tộc             | : | Kinh                                                        |
|                       |   | 350581245                                                   |
| ❖ Số CMND             | : | Ngày cấp: 04/12/2003                                        |
|                       |   | Nơi cấp: Công an An Giang                                   |
| ❖ Quê quán            | : | Nghĩa Thành-Nghĩa Hưng-Hà Nam Ninh.                         |
| ❖ Địa chỉ thường trú  | : | Lô 9A1 KDC phường Đông Xuyên, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang. |
| ❖ Trình độ văn hoá    | : | 12/12                                                       |
| ❖ Trình độ chuyên môn | : | Đại học Kế toán doanh nghiệp                                |
| ❖ Quá trình công tác  | : |                                                             |



- 10/1980 đến 08/2004 : Công ty cổ phần Du lịch An Giang
- 09/2004 đến 06/2009 : Công ty cổ phần Việt An
- 01/7/2009 – nay : Công ty cổ phần Việt An
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- ❖ Số cổ phần bản thân nắm giữ : 15.300 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân : 15.300 cổ phần
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không
- ❖ Số cổ phần sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên           | Mối Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ |
|------------------|-------------|--------------------|
| Nguyễn Quang Huy | Con         | 7.048              |

**14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty****14.1 Tài sản cố định****Bảng 26. Danh mục tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2013**

Đvt: triệu đồng

| TT         | Khoản mục                      | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại |
|------------|--------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>TSCĐ Hữu hình</b>           | <b>238.220</b> | <b>134.129</b>  | <b>56,30%</b> |
|            | - Nhà xưởng, vật kiến trúc     | 89.205         | 63.921          | 72,94%        |
|            | - Máy móc thiết bị             | 126.648        | 58.282          | 46,02%        |
|            | - Thiết bị văn phòng           | 1.725          | 678             | 39,30%        |
|            | - Phương tiện vận tải          | 20.642         | 11.248          | 54,49%        |
| <b>II</b>  | <b>TSCĐ thuê tài chính</b>     | <b>6.476</b>   | <b>4.993</b>    | <b>80,76%</b> |
|            | - Máy móc thiết bị             | 6.476          | 4.993           | 74,01%        |
| <b>III</b> | <b>TSCĐ Vô hình</b>            | <b>93.702</b>  | <b>93.655</b>   | <b>99,95%</b> |
|            | - Quyền sử dụng đất            | 93.502         | 93.502          | 100,00%       |
|            | - Bản quyền quy trình sản xuất | 200            | 153             | 76,50%        |

Nguồn: BCTC Q3/2013

**14.2 Các tài sản là bất động sản, đất đai****Bảng 27. Danh mục tài sản là bất động sản, đất đai tính đến thời điểm 30/09/2013**

| TT | Khoản mục                                                  | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng           | Ghi chú                                                                                                                                                                      |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | QL 91, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang | 21.851,4                    | Đất SXKD                   | Sở hữu của Công ty, trong đó :<br>+ 2.151,6m <sup>2</sup> giao đất thu tiền một lần.<br>+ 19.699,8m <sup>2</sup> trả tiền thuê hàng năm.                                     |
| 02 | 34 Phan Đình Giót, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM              | 199,4                       | Đất ở đô thị               | Sở hữu của Công ty                                                                                                                                                           |
| 03 | xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, An Giang                    | 18.500                      | Đất SXKD                   | Sở hữu của Công ty                                                                                                                                                           |
| 04 | Vĩnh Bình, Châu Thành, An Giang                            | 170.000                     | Đất chuyên dùng và đất lúa | Sở hữu của Công ty:<br>+ 155.214,5 m <sup>2</sup> đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.<br>+ Phần còn lại: đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục cấp quyền sử dụng |
| 05 | Phú Thuận, Thoại Sơn, An Giang                             | 259.000                     | Đất chuyên dùng            | Sở hữu công ty                                                                                                                                                               |

Nguồn: Anvifish

**15. Định hướng phát triển****❖ Tầm nhìn**

Trở thành một trong ba công ty hàng đầu Việt Nam về nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu cá tra.

**❖ Sứ mệnh**

Anvifish cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng theo yêu cầu của khách hàng và thị trường. Góp phần vào sự phát triển bền vững ngành nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và Việt Nam nói chung.

**❖ Giá trị cốt lõi**

Chất lượng là hàng đầu và có trách nhiệm với cộng đồng.

**❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của công ty**

Công ty luôn chú trọng các công tác bảo vệ và phát triển môi trường, cộng đồng bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Dây chuyền sản xuất hiện đại đáp ứng các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm để xuất khẩu sang các thị trường khó tính nhất. Hệ thống xử lý nước thải và rác thải đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế nhằm tạo môi trường, cảnh quan trong Công ty cũng như môi trường xung quanh được xanh sạch đẹp. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia các hoạt động từ thiện của địa phương và chăm lo hỗ trợ đời sống của các công nhân viên Công ty đang gặp khó khăn.

**❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty tăng cường phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu.

Công ty đẩy mạnh đầu tư vùng nuôi, hướng tới mục tiêu đảm bảo 100% khả năng tự cung cấp nguyên liệu cho sản xuất chế biến.

Hoạt động bán hàng sẽ hướng tới đa dạng hóa thị trường, đưa thương hiệu Anvifish trở thành thương hiệu có uy tín trên thị trường quốc tế.

**❖ Chiến lược phát triển cho năm 2013:**

Sang năm 2013, Anvifish và một loạt doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá ba sa vừa đón nhận một thông tin xấu khi bị Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố kết quả cuối cùng đợt xem xét hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 8 (POR 8) giai đoạn từ 1/8/2010 đến 31/7/2011, theo đó áp mức thuế chống bán phá giá khá cao đối với mặt hàng cá tra fillet xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Do tính chất phi lý của quyết định này, Anvifish và các doanh nghiệp trong ngành đã đồng lòng kháng kiện quyết định nói trên và đã nhận được những kết quả khả quan bước đầu. Ít ngày sau khi Anvifish và các doanh nghiệp phía Việt Nam nộp đơn kiện, Tòa án Thương mại Quốc tế Mỹ (CIT) đã thụ lý đơn kiện và yêu cầu cơ quan Hải quan Mỹ tạm dừng việc yêu cầu Anvifish phải nộp tiền ký quỹ trước khi CIT có phán quyết cuối cùng. Như vậy, về cơ bản, Anvifish không bị tác động nhiều bởi mức thuế chống bán phá giá này.

Đồng thời, cũng dự báo trước được rủi ro áp thuế chống bán phá giá của thị trường Mỹ, ngay từ đầu năm, khi xây dựng kế hoạch kinh doanh cho 2013, Anvifish đã đặt ra chiến lược phải đa dạng hóa thị trường, tránh rủi ro tập trung. Vì vậy, từ đầu năm, Công ty đã tăng cường mở rộng thị trường sang Đông Âu và Úc cũng như tìm các nhà nhập khẩu mới tại Châu Âu. Do đó, Công ty đã hạn chế tác động xấu của phán quyết DOC xuống mức thấp nhất và duy trì nhịp độ sản xuất kinh doanh bình thường.

Trong năm 2013, công ty đặt kế hoạch sẽ duy trì mức doanh thu và lợi nhuận không thấp hơn năm 2012. Chiến lược chủ đạo của Công ty trong năm tới sẽ là **Phát triển theo chiều sâu** và **Duy trì chất lượng Sạch**. Trong năm 2013, Công ty sẽ tập trung phát triển nguồn nguyên liệu tạo chủ động sản xuất, giảm định mức sản xuất, và toàn bộ các khâu, các bộ phận sẽ triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty phấn đấu sẽ tăng hơn nữa các chỉ tiêu sinh lời của doanh nghiệp. Đồng thời, với phương châm **Sạch từ con giống**, Anvifish cam kết sẽ duy trì và ngày càng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, giữ **chữ Tín** với khách hàng và nâng cao thương hiệu Anvifish trên thị trường toàn cầu.

#### 16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2013-2015

**Bảng 28. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2013 – 2015**

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu             | Năm 2013 |              | Năm 2014 |              | Năm 2015 |              |
|----------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|
|                      | Giá trị  | % tăng, giảm | Giá trị  | % tăng, giảm | Giá trị  | % tăng, giảm |
| Doanh thu thuần      | 1.800    | -4%          | 1.890    | 5%           | 1.985    | 5%           |
| Lợi nhuận trước thuế | 40       | 13%          | 44       | 10%          | 48       | 9%           |
| Lợi nhuận sau thuế   | 32       | 0%           | 33       | 3%           | 36       | 9%           |
| LNST/Doanh thu thuần | 1,78%    | 3%           | 1,75%    | -2%          | 1,81%    | 4%           |
| LNST/Vốn điều lệ     | 7,38%    | -36%         | 7,62%    | 3%           | 8,31%    | 9%           |
| EPS (đồng/cổ phần)   | 1.006    | -25%         | 761      | -24%         | 831      | 9%           |
| Tỷ lệ cổ tức (%)     | 10%      | -            | 10%      | -            | 10%      | -            |

Nguồn: Anvifish

##### 16.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận:

**Bảng 29. Kế hoạch năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua**

| TT | Chỉ tiêu                      | Đvt     | Kế hoạch 2013 |
|----|-------------------------------|---------|---------------|
| 1  | Doanh thu                     | Tỷ đồng | 1.800         |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế          | Tỷ đồng | 40            |
| 3  | Tỷ lệ chi trả cổ tức/Mệnh giá | %       | 10            |

##### Kế hoạch giai đoạn 2014-2015:

- Dự kiến sản lượng tăng 2%/năm: từ việc tăng công suất nhà máy kết hợp với gia công, mua sản phẩm từ các công ty cùng ngành khác.
- Dự kiến giá bán bình quân tăng 2%/năm: từ việc tăng chất lượng sản phẩm kết hợp với tăng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có lợi nhuận biên cao.
- Dự kiến tỷ giá ngoại tệ tăng bình quân 1%/năm.
- Dự kiến giảm tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần xuống mức mục tiêu 84% bằng cách tăng đầu tư vùng nuôi cá nhằm gia tăng mức chủ động nguyên liệu.
- Dự kiến giảm tỷ trọng chi phí lãi vay trên doanh thu thuần xuống mức 4,5%.
- Ổn định chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác.

## 16.2 Nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh

| NGUYÊN LIỆU                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | SẢN XUẤT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Cung ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất.</li> <li>Tiếp tục liên kết các hộ nuôi truyền thống.</li> <li>Liên doanh với các hộ nuôi lớn bằng cách ký hợp đồng bao tiêu (theo giá thị trường) và đầu tư thức ăn cho các hộ nuôi uy tín.</li> </ul>                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.</li> <li>Đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định theo yêu cầu khách hàng và thị trường.</li> <li>Giao hàng đúng tiến độ và chất lượng như cam kết với khách hàng.</li> <li>Duy trì định mức chế biến bình quân thấp.</li> <li>Tăng cường việc bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp những thiết bị máy móc.</li> <li>Duy trì số lượng công nhân ở mức tối ưu.</li> </ul> |
| BÁN HÀNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TÀI CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Tập trung nhiều hơn vào nhóm khách hàng lớn hiện tại mang lại lợi nhuận cao.</li> <li>Duy trì mức tối thiểu khách hàng hiện tại có lợi nhuận thấp.</li> <li>Tìm thêm nhiều khách hàng tiềm năng mới để có nhiều hơn khách hàng lợi nhuận cao.</li> <li>Mở rộng thêm nhiều hơn nữa thị trường EU và thị trường mới khác để hạn chế rủi ro.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường khả năng thu hồi nợ.</li> <li>Tìm kiếm các giải pháp huy động vốn linh hoạt, phù hợp với thực tế thị trường tài chính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                       |

## 17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Anvifish.
- Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch mà Công ty đã đề ra là khả thi.
- Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

## 18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức chào bán

Ngay sau khi tất toán đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung đối với số cổ phần tăng thêm. Dự kiến thời gian thực hiện trong vòng 1 tháng.

## 19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Không có

## 20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

## V. CỔ PHẦN CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

### 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

### 3. Tổng số cổ phần chào bán dự kiến: 15.378.000 cổ phần (tương ứng 55% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Cổ đông hiện hữu : 13.980.000 cổ phần
- ESOP cho CBCNV : 1.398.000 cổ phần

### 4. Giá chào bán:

- Cổ đông hiện hữu : 5.000 đồng/cổ phần
- ESOP cho CBCNV : 0 đồng/cổ phần (thưởng cổ phần)

### 5. Tổng số vốn huy động dự kiến: 69.900.000.000 đồng

### 6. Nguồn tài trợ: 83.880.000.000 đồng. Bao gồm:

- Thặng dư vốn cổ phần : 69.900.000.000 đồng
- Lợi nhuận giữ lại : 13.980.000.000 đồng

### 7. Phương pháp tính giá

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 5.000 đồng/cổ phần (căn cứ theo Nghị quyết số 01/2013/ĐHĐCĐ-VA ngày 24/05/2013 và Nghị quyết số 02/2013/ĐHĐCĐ ngày 10/09/2013).
- Nguyên tắc xác định giá bán cho cổ đông hiện hữu: là giá chào bán ưu đãi được HĐQT xây dựng dựa trên giá thị trường và khả năng sinh lời của công ty trong thời gian sắp tới.
- Giá thị trường cổ phiếu Anvifish (giá đóng cửa trung bình của 30 phiên giao dịch trước ngày tổ chức Đại hội thường niên, ngày 08/04/2013 – 23/05/2013) là 7.287 đồng/cổ phần.
- Giá trị sổ sách Công ty theo báo cáo kiểm toán tại 30/06/2013 là 16.195 đồng/cổ phần.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{452.809.182.160}{27.960.000}$$

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = 16.195 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Như vậy, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là khá ưu đãi khi so sánh với giá trị sổ sách và giá thị trường.
- Ngoài ra, mục đích của cổ phiếu ESOP thưởng cho CBCNV:
  - Ghi nhận những đóng góp của CBCNV cho Công ty.
  - Tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
  - Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của CBCNV cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty.
  - Thu hút và giữ chân những cán bộ chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm, và nhân viên giỏi.

### 8. Phương thức phân phối: Phân phối theo hình thức đăng ký ghi sổ thông qua đại lý phát hành

#### 8.1 Đối với cổ đông hiện hữu

Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần, cụ thể như sau:

#### ❖ Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phần chào bán:

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền, và 02 quyền sẽ được mua 01 cổ phần. Số cổ phần được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Quyền mua được chuyển nhượng 1 lần.
- Công ty sẽ phối hợp với VSD để thông báo và phân phối quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán thành viên của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

❖ **Đăng ký thực hiện quyền mua**

- Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại:
    - ✓ Đối với cổ đông đã lưu ký: đăng ký tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.
    - ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký: đăng ký tại Phòng Tài chính Kế toán của Công ty cổ phần Việt An.
- Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thạnh An, Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang
- Điện thoại: (84-76) 39 32 545 --- Fax: (84-76) 39 32 554
- Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
  - Đối với sổ cổ phần không bán hết do cổ đông không đăng ký mua hết và số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có), HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán và giá chào bán, với nguyên tắc giá chào bán không được thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu,

8.2 **Đối với chương trình ESOP cho CBCNV**

- Đối tượng – Tiêu chuẩn
  - Đối với cán bộ quản lý cấp cao: Hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công.
  - Đối với cán bộ quản lý cấp trung: Hoàn thành tốt nhiệm vụ do BTGD đề ra.
  - Đối với CBCNV, chuyên viên đặc trách: Luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Có thành tích nổi bật và hiệu quả làm việc cao.
  - Tất cả các CBCNV đề xuất cải tiến đột xuất, mang lại hiệu quả cao cho Công ty; các thành viên mới gia nhập có tiềm năng phát triển lâu dài, phù hợp với văn hóa Công ty và quy hoạch phát triển nhân sự dài hạn sẽ được xem xét thưởng đột xuất.
  - Tất cả nhân viên đã chính thức ký hợp đồng lao động với Công ty tới ngày 12/10/2013
- Quyền lợi khi tham gia chương trình
  - Được nhận cổ phiếu thưởng tương ứng với thành tích đạt được.
  - Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông. Nếu trong trường hợp thành viên ESOP vi phạm các quy định, quy chế của công ty sẽ lập tức bị thu hồi lại quyền sở hữu cổ phiếu của chương trình ESOP.
- Phương thức phân phối cổ phiếu cho người lao động trong năm đầu tiên
  - Phân phối 400.000 cổ phiếu cho Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để ghi nhận cống hiến vượt bậc trong thời gian qua.
  - Phân phối cổ phiếu cho CBCNV đáp ứng được tiêu chuẩn được phân phối cổ phiếu. Nguyên tắc chung để phân phối cổ phiếu cho CBCNV sẽ được xác định kết hợp giữa thâm niên công tác, thành tích đạt được từ 2010 đến nay, mức độ hoàn thành công việc được giao.
  - Số cổ phiếu còn lại giao cho 01 thành viên Ban Điều hành ESOP đứng tên dùng vào việc thưởng đột xuất, thưởng cho người tài đức mới về đầu quân cho Công ty. Ủy quyền Chủ tịch HĐQT sẽ quyết định thưởng cho từng trường hợp cụ thể.
- Cách thức phân phối cổ phiếu cho các năm tiếp theo trong 03 năm chương trình ESOP
  - Cuối năm hoặc chậm nhất trong Quý 1 của năm sau, HĐQT tiến hành đánh giá thành viên ESOP thông qua thành tích của các thành viên trong năm đó để lựa chọn hoặc loại trừ các thành viên không đủ tiêu chuẩn tham gia chương trình ESOP, đồng thời xem xét, lựa chọn các CBCNV có thành tích xuất sắc làm thành viên ESOP mới.

- HĐQT công khai danh sách xét chọn và số lượng cổ phần mà thành viên ESOP có thể được sở hữu từng năm.
- Số cổ phần được thu hồi và số cổ phần lẻ phân phối không hết trong năm này có thể được phân phối cho năm sau hoặc phân phối thêm cho các thành viên ESOP đạt thành tích xuất sắc ngay trong năm đó theo Quyết định của HĐQT. Ủy quyền Chủ tịch HĐQT sẽ quyết định thưởng cho từng trường hợp cụ thể.
- Cổ phiếu Công ty thưởng cho các cá nhân tham gia chương trình là cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng. Thời gian hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm:
  - Năm thứ nhất: 30% số cổ phiếu đã được thưởng được phép chuyển nhượng sau 12 tháng kể từ ngày niêm yết.
  - Năm thứ hai: sau 12 tháng kể từ thời điểm Công ty cho phép chuyển nhượng cổ phiếu của năm thứ nhất, cá nhân được chuyển nhượng tiếp 30% số cổ phiếu đã được thưởng.
  - Năm thứ ba: sau 12 tháng kể từ thời điểm Công ty cho phép chuyển nhượng cổ phiếu của năm thứ hai, cá nhân được phép chuyển nhượng nốt 40% số cổ phiếu đã được thưởng còn lại.
- Làm tròn cổ phiếu: làm tròn số xuống hàng đơn vị cho tất cả các trường hợp, kể cả các đợt giải tỏa cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của từng năm.
- Thời gian và thủ tục thu hồi cổ phiếu:
  - Nếu cá nhân nghỉ việc (thôi việc) hoặc bị kỷ luật lao động (bằng văn bản) tại Công ty trước ngày cổ phiếu được phép chuyển nhượng của năm thứ nhất thì Công ty sẽ thu hồi 100% số cổ phiếu cá nhân đã được thưởng.
  - Nếu cá nhân nghỉ việc (thôi việc) hoặc bị kỷ luật lao động (bằng văn bản) tại Công ty trong thời gian từ ngày cổ phiếu được phép chuyển nhượng của năm thứ nhất đến ngày cổ phiếu được phép chuyển nhượng của năm thứ hai thì Công ty sẽ thu hồi 70% số cổ phiếu cá nhân đã được thưởng.
  - Nếu cá nhân nghỉ việc (thôi việc) hoặc bị kỷ luật lao động (bằng văn bản) tại Công ty trong thời gian từ ngày cổ phiếu được phép chuyển nhượng của năm thứ hai đến ngày cổ phiếu được phép chuyển nhượng của năm thứ ba thì Công ty sẽ thu hồi 40% số cổ phiếu cá nhân đã được thưởng.
  - Thành viên ESOP sẽ bị bãi nhiệm tư cách thành viên và bị thu hồi toàn bộ số cổ phiếu thưởng chưa được phép chuyển nhượng nếu vi phạm kỷ luật của Công ty với hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc tự ý nghỉ việc tại Công ty, chuyển sang công ty khác.
  - Thành viên ESOP sẽ bị thu hồi 50% số lượng cổ phiếu thưởng chưa được phép chuyển nhượng từ khi bắt đầu chương trình nếu vi phạm kỷ luật của Công ty với hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên.
  - Khi nhân viên về hưu, qua đời, nghỉ mất sức hoặc nghỉ theo chế độ..., Ban Điều hành ESOP sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định cho thành viên đó hoặc người thừa kế theo luật định được tiếp tục tham gia chương trình cũng như hưởng các quyền lợi của cổ phiếu thưởng trước đó.
  - Công ty lập hồ sơ đề nghị thu hồi cổ phiếu gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định.



## 9. Thời gian phân phối

Dự kiến thời gian phân phối cổ phần: trong Quý IV/2013 hoặc Quý I/2014, cụ thể như sau:

| Bước | Công việc                                                               | Thời gian (ngày)     |
|------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1    | AVF nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN      | T                    |
| 2    | Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định                         | T+ 5                 |
| 3    | Gửi hồ sơ thông báo thông báo thực hiện quyền mua cho VSD (i)           | T+4 đến T+5          |
| 4    | Thông báo cho CBCNV về chương trình ESOP                                | T+4 đến T+5          |
| 5    | <b>Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua (ii)</b> | <b>T+20 đến T+22</b> |
| 6    | Cổ đông nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua (iii)              | T+29 đến T+30        |
| 7    | Cổ đông chuyển nhượng quyền mua (iv)                                    | T+31 đến T+41        |
| 8    | Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (v)                                     | T+31 đến T+51        |
| 9    | <b>VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần (vi)</b>   | <b>T+53 đến T+55</b> |
| 10   | HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết (vii)                   | T+55 đến T+65        |
| 11   | Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN (viii)                              | T+67 đến T+70        |
| 12   | Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán            | T+ 72 đến T+75       |
| 13   | VSD và HSX chấp thuận lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán      | T+85 đến T+89        |
| 14   | Cổ phần phát hành thêm chính thức giao dịch                             | T+90                 |

- (i) Bước 3 : Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu cổ phần AVF được hưởng quyền mua cổ phần).
- (ii) Bước 5 : Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách cổ đông tổng hợp.
- (iii) Bước 6 : Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, công ty chứng khoán gửi thông báo quyền mua đến các cổ đông của AVF.
- (iv) Bước 7 : Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày của ngày cuối cùng đăng ký mua cổ phần chào bán.
- (v) Bước 8 : Thời hạn đăng ký mua cổ phần tối thiểu cho cổ đông là 20 ngày làm việc.
- (vi) Bước 9 : Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần.
- (vii) Bước 10 : Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phần trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán có hiệu lực.
- (viii) Bước 11 : Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, tức là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phần được chào bán từ các nhà đầu tư.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phần dự kiến cho nhà đầu tư; tuy nhiên, tùy tình hình thực tế phát sinh, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và vẫn đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông; đồng thời, cũng đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phần chính thức sẽ được công bố sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

**10. Đăng ký mua cổ phần:**

- **Thời hạn đăng ký mua cổ phần:** Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua ngay sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Theo quy định, thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho cổ đông hiện hữu là 20 ngày làm việc.
- **Số lượng cổ phần đăng ký mua:** là số lượng cổ phần được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phần HĐQT quyết định phân phối tiếp do cổ đông từ chối đăng ký mua. Còn CBCNV sẽ được thưởng cổ phần theo Danh sách do HĐQT ban hành.
- **Phương thức thanh toán:** cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần của Công ty.
- **Chuyển giao cổ phiếu:**
  - Đối với cổ đông hiện hữu: toàn bộ số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HSX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.
  - Đối với CBCNV: toàn bộ số cổ phiếu ESOP sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HSX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD. Tuy nhiên, số lượng cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo như quy định tại Quy chế quản lý ESOP do HĐQT xây dựng và ban hành.
- **Quyền lợi người mua cổ phiếu:** cổ phần chào bán trong đợt này là cổ phần phổ thông; do đó, người mua sẽ được hưởng các quyền của một cổ đông phổ thông, được quy định tại Điều lệ Công ty, ví dụ như: biểu quyết, tham dự họp Đại hội cổ đông, lĩnh cổ tức,...

**11. Phương thức thực hiện quyền:**

- Đây là trường hợp Công ty thực hiện chào bán cổ phần phổ thông cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty và thưởng cổ phần cho CBCNV Công ty theo chương trình ESOP.
- Sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phần, các cổ đông thực hiện quyền mua theo như hướng dẫn ở trên.

**12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Điều lệ Công ty không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.
- Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại AVF đến thời điểm 20/08/2013 là: **10,76%**.

**13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:**

- Chứng khoán chào bán trong đợt này cho cổ đông hiện hữu là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Chứng khoán thưởng cho CBCNV bị hạn chế chuyển nhượng theo như Quy chế quản lý ESOP do HĐQT xây dựng và ban hành.

**14. Các loại thuế có liên quan**

- **Về GTGT:**
  - Thuế suất là 0% đối với hàng xuất khẩu.
  - Thuế suất là 5% đối với hàng bán nội địa.
- **Về thuế TNDN:**
  - Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 68/CN.UB do UBND Tỉnh An Giang cấp ngày 09/08/2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/CN-UBND do UBND Tỉnh An Giang cấp ngày 06/01/2006:
  - Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên, kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo.
  - Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006, 2007, 2008 là ba năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp).
  - Công ty được giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (tức thuế suất 10%) bắt đầu từ năm 2009 đến năm 2012.

- Ngoài ra Công ty còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần lợi nhuận tăng thêm do doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.

**15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần**

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Việt An
- Số tài khoản: 015.1.00.036152.3
- Tại Ngân hàng: Vietcombank chi nhánh An Giang

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

### 1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;
- Căn cứ Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/ĐHĐCĐ-VA ngày 24/05/2013;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2013/ĐHĐCĐ-VA ngày 10/09/2013;

### 2. Mục đích chào bán

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tài trợ hoàn thiện (bổ sung vốn lưu động) 02 vùng nuôi ở Bình Thạnh (khoảng 90.000 m<sup>2</sup> diện tích) và Phú Thuận (khoảng 245.000 m<sup>2</sup> diện tích) với tổng sản lượng khoảng 16.000 tấn/năm.

### 3. Phương án khả thi : có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế

**Bảng 30. Thông tin khái quát về dự án phát triển 02 vùng nuôi**

Đvt: triệu đồng

| Vùng nuôi        | Tổng chi phí (1 vụ nuôi) | Tiền từ đợt chào bán | Tài trợ từ vốn lưu động |
|------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|
| - Phú Thuận      | 187.336                  | 36.500               | 150.836                 |
| - Bình Thạnh     | 68.818                   | 13.500               | 55.318                  |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>256.154</b>           | <b>50.000</b>        | <b>206.154</b>          |

#### DỮ LIỆU TÍNH TOÁN

|    |                                      |        |                              |
|----|--------------------------------------|--------|------------------------------|
| 1. | Mật độ thả                           | 60     | con/m <sup>2</sup> mặt nước  |
| 2. | Thời gian nuôi TB để cá đạt 1kg/con  | 7      | tháng                        |
| 3. | Hệ số thu hoạch cá                   | 75%    |                              |
| 4. | Hệ số vụ/năm                         | 1,5    |                              |
| 5. | Hệ số thức ăn                        | 1,55   | kg thức ăn/kg cá nguyên liệu |
| 6. | Chi phí nuôi                         | 4.500  | VND/kg cá nguyên liệu        |
| 7. | Giá thức ăn                          | 10.800 | VND/kg thức ăn               |
| 8. | Hệ số mặt nước/diện tích đất ao nuôi | 75%    |                              |
| 9. | Thời gian khấu hao ao nuôi           | 10     | năm                          |

#### 02 VÙNG NUÔI

|    |                                  |            |                |
|----|----------------------------------|------------|----------------|
| 1. | Tổng diện tích mặt nước hiện hữu | 335.000    | m <sup>2</sup> |
| 2. | Sản lượng thu hoạch 1 vụ (kg)    | 12.060.000 | kg             |
| 3. | Sản lượng thu hoạch 1 năm (kg)   | 18.090.000 | kg             |

#### PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ

Đvt: triệu đồng

|                   | 01 vụ   | 01 Năm  |
|-------------------|---------|---------|
| Doanh thu         | 301.500 | 452.250 |
| Chi phí           | 256.154 | 384.231 |
| +Thức ăn          | 201.884 | 302.826 |
| +Chi phí nuôi     | 54.270  | 81.405  |
| Lãi gộp           | 45.345  | 68.018  |
| Tỷ suất LN/DT     | 15,04%  | 15,04%  |
| Tỷ suất LN/vốn ĐT | 17,70%  | 26,55%  |

Nguồn: Anvifish

**VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Hiện nay, Công ty đã đầu tư các chi phí cố định để xây dựng ao nuôi.

Số tiền thu được dự kiến là 69,9 tỷ đồng, dự kiến sẽ được sử dụng để tài trợ cho vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển hoàn thiện 02 vùng nuôi (gồm chi phí con giống, chi phí nuôi, thức ăn, chi phí nhân công, điện nước...):

- Bổ sung vốn lưu động: 19,9 tỷ đồng.
- Hoàn thiện vùng nuôi Phú Thuận: 36,5 tỷ đồng (bổ sung vốn lưu động)
- Hoàn thiện vùng nuôi Bình Thạnh: 13,5 tỷ đồng (bổ sung vốn lưu động)

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công và không thu đủ số tiền dự kiến thì HĐQT sẽ chào bán tiếp số lượng cổ phần do cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

**Bảng 31. Dự kiến sử dụng số tiền sau phát hành (tính theo 1 vụ nuôi)**

Đvt: triệu đồng

| Vùng nuôi<br>Phú Thuận  | Tháng 1       | Tháng 2      | Tháng 3      | Tháng 4      | Tháng 5      | Tháng 6       | Tháng 7       | Tổng<br>cộng  |
|-------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|
| Phú Thuận               | 7.300         | 1.825        | 2.555        | 3.650        | 4.745        | 7.300         | 9.125         | <b>36.500</b> |
| Bình Thạnh              | 2.700         | 675          | 945          | 1.350        | 1.755        | 2.700         | 3.375         | <b>13.500</b> |
| Bổ sung vốn<br>lưu động | 19.900        |              |              |              |              |               |               | <b>19.900</b> |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>29.900</b> | <b>2.500</b> | <b>3.500</b> | <b>5.000</b> | <b>6.000</b> | <b>10.000</b> | <b>12.500</b> | <b>69.900</b> |

Nguồn: Anvifish

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN****1. Tổ chức chào bán****❖ Công ty cổ phần Việt An**

Địa chỉ : Quốc lộ 91, khóm Thanh An, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang  
Điện thoại : (84-763) 932 545 Fax: (84-763) 932 554  
Email : [info@anvifish.com.vn](mailto:info@anvifish.com.vn) Website: [www.anvifish.com](http://www.anvifish.com)

**2. Tổ chức tư vấn****❖ Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)**

Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588  
Chi nhánh : 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 6262 6999  
Website : [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

**❖ Ý kiến của tổ chức tư vấn:**

Đợt chào bán lần này có khối lượng là 15,378 triệu cổ phần, với số tiền huy động dự kiến là 69,9 tỷ đồng, và được diễn ra trong bối cảnh các yếu tố kinh tế vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán vẫn còn trong giai đoạn khó khăn, cộng thêm các thông tin xấu về ngành thủy sản, ngành cá nói chung. Tuy nhiên, theo đánh giá của tổ chức tư vấn thì đợt chào bán này vẫn có thể thực hiện được với các lý do sau:

- Thứ nhất, AVF là một công ty niêm yết trên sàn HSX, có chỉ số cơ bản tốt với tài chính lành mạnh và minh bạch hóa thông tin.
- Thứ hai, giá chào bán là 5.000 đồng/cổ phần, có thể xem là khá ưu đãi khi so sánh với giá giao dịch trên thị trường hiện nay bình quân trên 7.000 đồng/cổ phần, và giá trị sổ sách đến thời điểm 30/06/2013 là 16.195 đồng/cổ phần.
- Cuối cùng, mục đích của đợt chào bán lần này là nhằm bổ sung vốn lưu động để phát triển hoàn thiện 02 vùng nuôi sẽ giúp Công ty không chỉ kiểm soát chủ động nguồn nguyên liệu mà còn kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần. Qua đó, tạo lợi thế cho Công ty cũng như cải thiện dòng tiền và lợi nhuận của Công ty trong những năm sau.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

**❖ Các khoản phí và điều kiện kèm theo**

- Theo Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng giữa VCSC và Anvifish thì VCSC thu mức phí dịch vụ cố định bao gồm các nội dung như sau: Tư vấn trình tự, thủ tục và các bước thực hiện, Tư vấn lập hồ sơ, Theo dõi và phối hợp các bên để chỉnh sửa, bổ sung, Tư vấn thực hiện phương án phát hành, Tư vấn công bố thông tin, Tư vấn báo cáo kết quả, Tư vấn hồ sơ lưu ký và niêm yết bổ sung.
- Ngay sau khi tất toán đợt chào bán, Công ty sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để đưa số lượng cổ phiếu chào bán vào giao dịch theo quy định.

**3. Tổ chức kiểm toán****❖ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ : Lầu 18, Times Square Buildings, 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
Điện thoại : (84-8) 39 10 07 51  
Fax : (84-8) 39 10 07 50

**IX. PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục 2.** Bản sao Điều lệ công ty
- Phụ lục 3.** Bản sao Báo cáo kiểm toán năm 2011, năm 2012, Báo cáo tài chính 6 tháng 2013 (đã soát xét)
- Phụ lục 4.** Báo cáo tài chính Quý 3/2013
- Phụ lục 5.** Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013
- Phụ lục 6.** Nghị quyết ĐHĐCĐ vv điều chỉnh Phương án chào bán năm 2013
- Phụ lục 7.** Nghị quyết của HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán
- Phụ lục 8.** Sơ yếu lý lịch các thành viên chủ chốt
- Phụ lục 9.** Các tài liệu khác



Long Xuyên, ngày ..22.... tháng ..11.... năm 2013

**Đại diện tổ chức chào bán**

**Công ty cổ phần Việt An**



**Lưu Bách Thảo**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Huyền**  
**Kế toán trưởng**

**Trương Thanh Long**  
**Trưởng Ban Kiểm soát**

**Đại diện tổ chức tư vấn**

**Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)**



**Tô Hải**  
**Tổng Giám đốc**